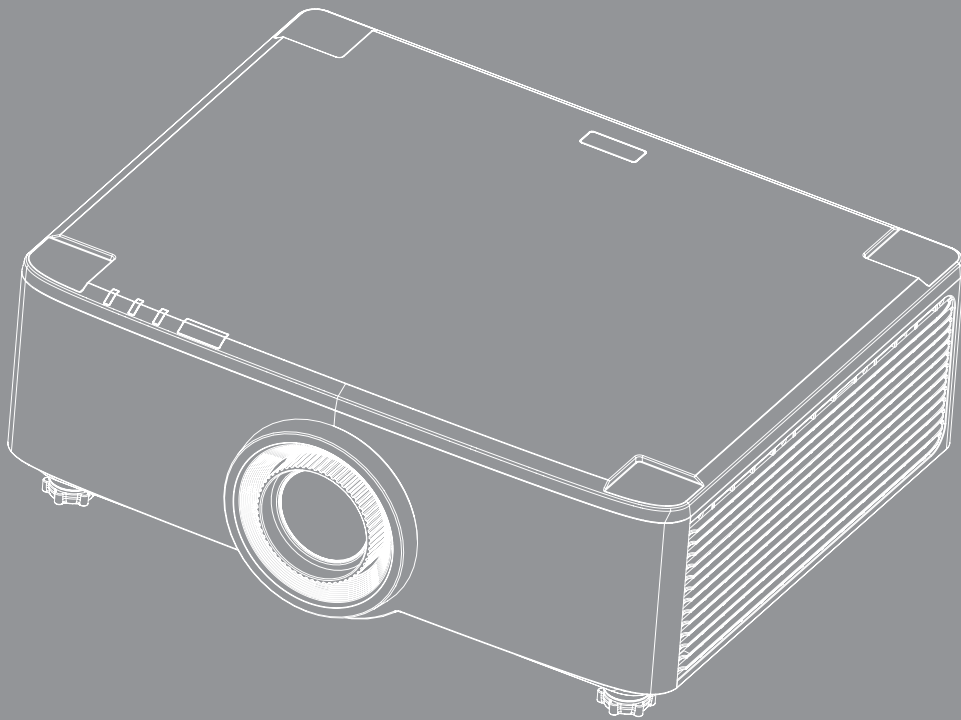


Máy chiếu DLP®





MỤC LỤC

AN TOÀN	4
<i>Hướng dẫn an toàn quan trọng</i>	<i>4</i>
<i>Lau ống kính.....</i>	<i>5</i>
<i>Thông tin an toàn về laser.....</i>	<i>6</i>
<i>Thông tin an toàn 3D.....</i>	<i>7</i>
<i>Bản quyền</i>	<i>7</i>
<i>Khước từ trách nhiệm.....</i>	<i>7</i>
<i>Nhận biết thương hiệu.....</i>	<i>8</i>
<i>Thông báo FCC.....</i>	<i>8</i>
<i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.....</i>	<i>8</i>
<i>WEEE.....</i>	<i>9</i>
GIỚI THIỆU	10
<i>Tổng quan về gói sản phẩm.....</i>	<i>10</i>
<i>Phụ kiện chuẩn.....</i>	<i>10</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm</i>	<i>11</i>
<i>Kết nối</i>	<i>12</i>
<i>Bàn phím và đèn báo LED</i>	<i>13</i>
<i>Điều khiển từ xa</i>	<i>14</i>
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT	16
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....</i>	<i>16</i>
<i>Chỉnh hình chiếu.....</i>	<i>17</i>
<i>Điều chỉnh Dịch chuyển hình chiếu</i>	<i>18</i>
<i>Điều chỉnh Thu phóng / Tiêu cự máy chiếu.....</i>	<i>21</i>
<i>Điều chỉnh vị trí máy chiếu</i>	<i>22</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa</i>	<i>23</i>
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU	25
<i>Bật/tắt máy chiếu.....</i>	<i>25</i>
<i>Tổng quan về màn hình chính.....</i>	<i>28</i>
<i>Ngày giờ hệ thống</i>	<i>28</i>
<i>Menu cài đặt máy chiếu (OSD)</i>	<i>29</i>
<i>Menu cài đặt hệ thống.....</i>	<i>47</i>
<i>Chọn nguồn tín hiệu đầu vào</i>	<i>56</i>
<i>Chọn ứng dụng.....</i>	<i>57</i>
<i>Chế độ đa phương tiện và định dạng đa phương tiện được hỗ trợ</i>	<i>58</i>
<i>Xem thanh trạng thái.....</i>	<i>63</i>

THÔNG TIN BỔ SUNG 64

<i>Độ phân giải tương thích</i>	<i>64</i>
<i>Kết nối tín hiệu và cài đặt cổng RS232</i>	<i>66</i>
<i>Lắp đặt và vệ sinh tấm lọc bụi</i>	<i>67</i>
<i>Cỡ hình và khoảng cách chiếu</i>	<i>68</i>
<i>Lắp đặt giá treo trần nhà</i>	<i>70</i>
<i>Khắc phục sự cố</i>	<i>71</i>
<i>Thông báo sáng đèn LED</i>	<i>73</i>
<i>Thông số kỹ thuật</i>	<i>74</i>
<i>Văn phòng toàn cầu của Optoma</i>	<i>75</i>

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Do đó sản phẩm này được chứng thực là tuân theo các yêu cầu được đề ra trong Chỉ thị của Hội đồng về việc Phê chuẩn luật của các Quốc gia Thành viên liên quan đến Chỉ thị về Tương thích Điện từ 2004/108/EEC.



Cảnh báo

- Không được sử dụng sản phẩm này tại các khu dân cư.
- Sử dụng sản phẩm này tại các khu dân cư có thể gây nhiễu sóng.

Cần tránh sử dụng như vậy trừ khi người dùng thực hiện những biện pháp đặc biệt nhằm giảm thiểu bức xạ điện từ để ngăn nhiễu sóng cho việc tiếp nhận sóng phát radio hoặc truyền hình.

Hướng dẫn an toàn quan trọng



- Không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng, RG2.
Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ phòng xung quanh phải nằm trong phạm vi 5°C~ 40°C (41°F ~ 104°F)
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị đã bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi

người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.

- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng có thể làm nóng chảy vật dụng, gây bỏng hoặc phát hỏa.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỎNG các thiết bị.

Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.




Cảnh báo

- Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.
- Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.
- Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.
- **LẮP Ở VỊ TRÍ PHÍA TRÊN ĐẦU CỦA TRẺ EM.** Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giá treo trần cho sản phẩm này để đặt ở vị trí phía trên tầm mắt của trẻ em.

“WARNING: MOUNT ABOVE THE HEADS OF CHILDREN.”
Additional warning against eye exposure for close exposures less than 1 m.
 “AVERTISSEMENT : INSTALLER AU-DESSUS DE LA TÊTE DES ENFANTS.”
 Avertissement supplémentaire contre l'exposition oculaire pour des expositions à une distance de moins de 1 m.
 “警告：安装在高于孩童头顶处”
 关于小于1 m近距离眼睛暴露的附加警告
 「警告：安装在高於兒童頭部處」
 針對1 m以下近距離眼睛接觸的額外警告

Thông tin an toàn về laser

- Tuân theo 21 CFR 1040.10 và 1040.11 ngoại trừ quy định theo Nhóm Rủi ro 2 LIP được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed. 1.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Thông cáo Laser Số 7, ngày 8 tháng 5 năm 2019. IEC 60825-1:2014: SẢN PHẨM LASER LOẠI 1 - NHÓM RỦI RO 2

	<p>IEC/EN 60825-1:2014 CLASS 1 LASER PRODUCT RISK GROUP 2 Complies with 21 CFR 1040.10 and 1040.11 except for conformance as a Risk Group 2 LIP as defined in IEC 62471-5:Ed. 1.0. For more information see Laser Notice No. 57, dated May 8, 2019.</p>
	<p>IEC/EN 60825-1:2014 PRODUIT LASER DE CLASSE 1 GROUPE DE RISQUE 2 Conforme aux normes 21 CFR 1040.10 et 1040.11, à l'exception de la conformité en tant que LIP du groupe de risque 2 définie dans la CEI 62471-5: Ed. 1,0. Pour plus d'informations, voir l'avis au laser n° 57 du 8 mai 2019.</p>
	<p>IEC/EN 60825-1:2014 1類激光產品RG2危險等級 除了IEC 62471-5:Ed.1.0中定義的RG2 LIP 危險等級以外，要符合21 CFR 1040.10和1040.11，更多相關資訊，請參閱2019年5月8日的第57號激光公告。</p>
	<p>IEC/EN 60825-1:2014 1类激光产品RG2危险等级 除了IEC 62471-5:Ed.1.0中定义的RG2 LIP 危险等级以外，要符合21 CFR 1040.10和1040.11，更多相关信息，请参阅2019年5月8日的第57号激光公告。</p>

- Máy chiếu này có tích hợp môđun laser Loại 4. Tháo rời hay sửa đổi là rất nguy hiểm và bạn không được thử thực hiện các thao tác này.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Hướng dẫn đầy đủ về cách lắp ráp, vận hành và bảo dưỡng, bao gồm các cảnh báo rõ ràng liên quan đến các biện pháp phòng ngừa để tránh phơi nhiễm tia laser và bức xạ gián tiếp vượt quá giới hạn phát thải cho phép trong Nhóm 2.
- Thiết bị kỹ thuật số loại A này đáp ứng mọi yêu cầu của Quy định về thiết bị gây nhiễu sóng của Canada. Quy định về Thiết bị Gây nhiễu sóng.
- Cet appareil numérique de la class A respecte toutes les exigences du Reglement sur le materiel brouilleur du Canada.
- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.
- Thông báo được đưa ra để thận khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng

Thông tin an toàn 3D

Hãy tuân thủ mọi cảnh báo và cách phòng ngừa như khuyến nghị trước khi bạn hoặc con mình sử dụng chức năng 3D.

Cảnh báo

Trẻ em và thanh thiếu niên có thể dễ gặp các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc xem 3D hơn và cần được giám sát chặt khi xem các hình ảnh này.

Cảnh báo về Co giật Do Nhạy cảm với Ánh sáng và Các Nguy cơ Sức khỏe Khác

- Một số người xem có thể bị co giật động kinh hay đột quy khi tiếp xúc với một số hình ảnh hay ánh sáng nhấp nháy có trong một số hình ảnh từ Máy chiếu hoặc trò chơi điện tử. Nếu bạn bị như vậy hoặc có tiền sử gia đình về động kinh hay đột quy, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng chức năng 3D.
- Thậm chí những người không có tiền sử cá nhân hay gia đình về động kinh hoặc đột quy cũng có thể có tình trạng chưa được chẩn đoán có thể gây ra co giật động kinh do nhạy cảm với ánh sáng.
- Phụ nữ có thai, người già, người mắc các bệnh trạng nghiêm trọng, người ngủ do hoặc chịu ảnh hưởng của rượu cần tránh sử dụng chức năng 3D của thiết bị.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hãy ngừng xem ảnh 3D ngay lập tức và tham khảo ý kiến chuyên gia y tế: (1) thay đổi thị lực; (2) váng đầu; (3) chóng mặt; (4) cử động không chủ ý như mắt hoặc cơ bị giật; (5) lẫn lộn; (6) buồn nôn; (7) mất nhận thức; (8) co giật; (9) chuột rút; và/ hoặc (10) mất phương hướng. Trẻ em và thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị những triệu chứng này hơn người lớn. Cha mẹ cần theo dõi con em mình và hỏi trẻ có bị những triệu chứng này không.
- Việc xem hình chiếu 3D cũng có thể gây ra tình trạng bệnh do chuyển động, tác động cảm giác sau đó, mất phương hướng, căng mắt và giảm ổn định về tư thế. Người dùng cần thường xuyên nghỉ giải lao để giảm khả năng xảy ra các tác động này. Nếu mắt bạn có dấu hiệu mệt mỏi hoặc kho, hay nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào nêu trên, hãy dừng sử dụng thiết bị này ngay lập tức và không dùng lại trong ít nhất ba mươi phút sau khi các triệu chứng đã giảm bớt.
- Việc xem hình chiếu 3D khi ngồi quá gần với màn hình trong thời gian kéo dài có thể làm hỏng thị lực của bạn. Khoảng cách xem lý tưởng tối thiểu bằng ba lần chiều cao màn hình. Tầm mắt của người xem cần ngang bằng với màn hình.
- Việc xem hình chiếu 3D trong khi đeo kính 3D trong thời gian kéo dài có thể gây đau đầu hay mệt mỏi. Nếu bạn bị đau đầu, mệt mỏi hoặc chóng mặt, hãy dừng xem hình chiếu 3D và nghỉ ngơi.
- Không sử dụng kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xem hình chiếu 3D.
- Việc đeo kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác (như kính mắt nói chung, kính râm, kính bảo hộ, v.v.) có thể có hại cho thể chất của bạn và làm yếu thị lực.
- Việc xem hình chiếu 3D có thể gây mất phương hướng cho một số người xem. Do đó, KHÔNG ĐỂ MÁY CHIẾU 3D gần khu vực cầu thang mở, dây cáp, ban công hay các vật thể khác có thể bị vấp phải, mắc vào, húc ngã, vỡ hay rơi.

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2020

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

IBM là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của International Business Machines, Inc.

Microsoft, PowerPoint và Windows thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Tập đoàn Microsoft.

HDBaseT™ và biểu tượng HDBaseT Alliance là thương hiệu của HDBaseT Alliance.

Adobe và Acrobat là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Công ty Adobe Systems.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

Thông báo FCC

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau

(1) Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại,

(2) Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận; bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số Loại A chiếu theo phần 15 của Quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại khi thiết bị này hoạt động trong môi trường thương mại. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, thiết bị có thể gây nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Việc vận hành thiết bị này tại khu vực dân cư dễ có thể gây nhiễu sóng có hại mà người dùng sẽ phải tự mình điều chỉnh lại nhiễu sóng.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EC (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EC về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

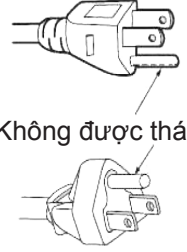
WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

CHÚ Ý: Thiết bị này được trang bị phích cắm nguồn loại tiếp mát 3 chân. Không được tháo chân tiếp mát của phích cắm nguồn. Phích cắm này sẽ chỉ cắm vừa vào ổ cắm điện loại tiếp mát. Đây là một tính năng bảo đảm an toàn. Nếu bạn không thể cắm phích cắm vào ổ, hãy liên hệ cho thợ điện. Không được khiến cho phích cắm tiếp mát trở thành vô ích.



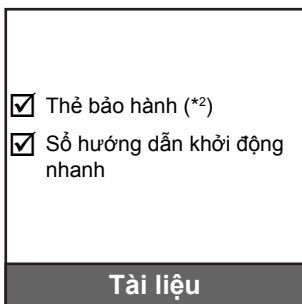
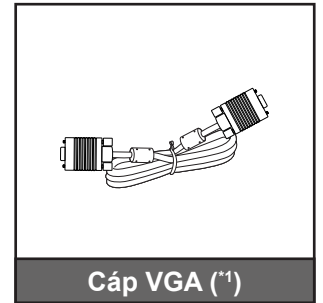
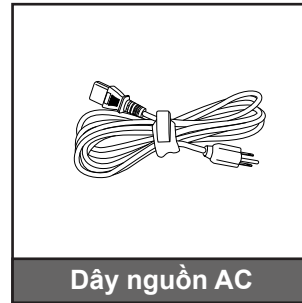
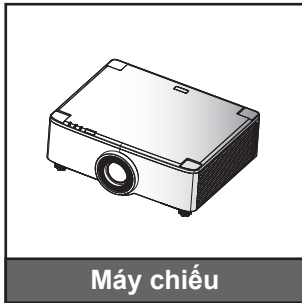
GIỚI THIỆU

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn



Lưu ý:

- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- (*1) Cáp VGA chỉ được kèm theo tại một số khu vực cụ thể.
- (*2) Để có thông tin bảo hành cho khu vực châu Âu, hãy truy cập www.optoma.com.



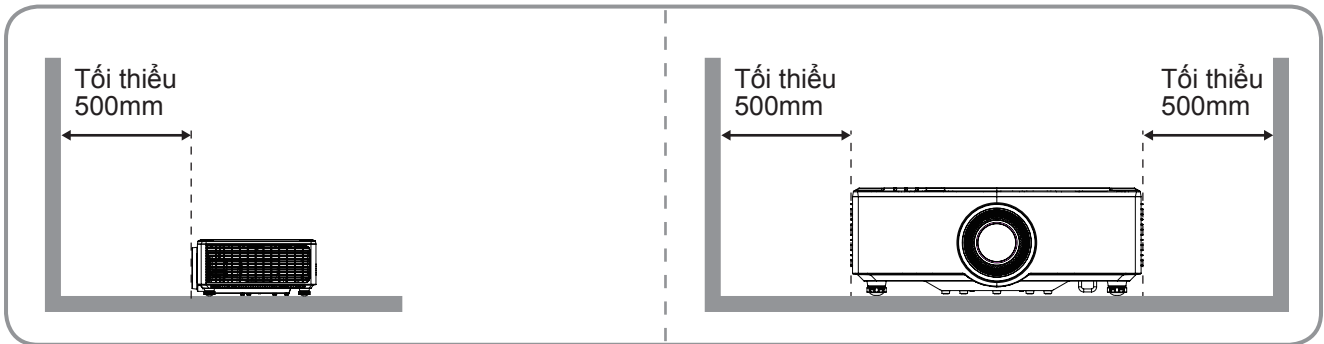
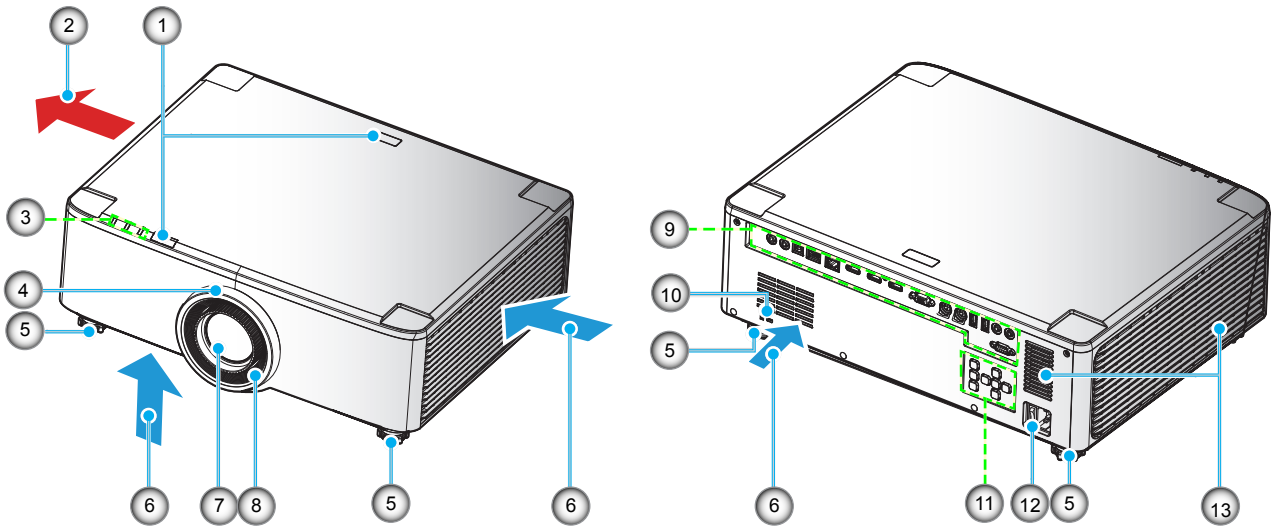
Vui lòng quét mã QR bảo hành OPAM hoặc truy cập URL sau:
<https://www.optoma.com/us/support/warranty-and-return-policy/>



Hãy quét mã QR hoặc truy cập URL sau: <https://www.optoma.com/support/download>

GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



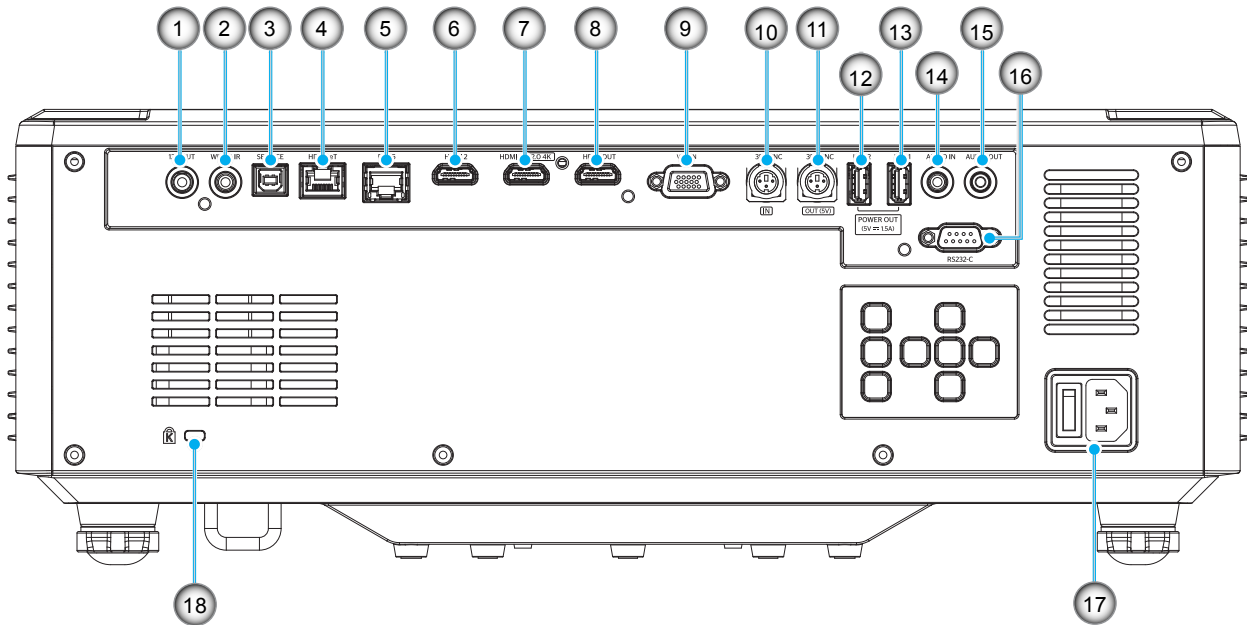
Lưu ý:

- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 50cm (19 inch) quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Mẫu ống kính 1,25x/ ống kính Độ lệch tâm Ngắn không có vòng chỉnh tiêu điểm.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Bộ thu hồng ngoại	8.	Vòng chỉnh tiêu điểm (mẫu ống kính 1,8x)
2.	Thông khí (cửa thoát)	9.	Đầu vào/Đầu ra
3.	Đèn báo LED	10.	Cổng khóa Kensington™
4.	Vòng thu phóng (mẫu ống kính 1,8x) Vòng trang trí (mẫu ống kính 1,25x/ ống kính Độ lệch tâm Ngắn)	11.	Bảng điều khiển
5.	Chân chỉnh độ nghiêng	12.	Ổ cắm điện / Công tắc nguồn
6.	Thông khí (cửa nạp)	13.	Loa
7.	Ống kính máy chiếu		

GIỚI THIỆU

Kết nối

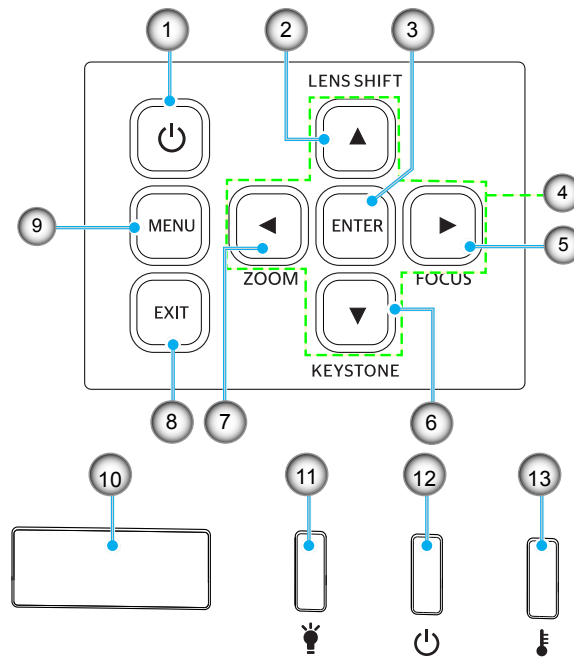


STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu cắm ra 12V	10.	Đầu vào ĐỒNG BỘ HÓA 3D
2.	Đầu nối IR có dây	11.	Đầu ra ĐỒNG BỘ HÓA 3D
3.	Đầu cắm bảo trì (chỉ để nâng cấp firmware)	12.	Đầu cắm USB 2 (Nguồn điện 5V---1,5A)(*)
4.	Đầu cắm HDBaseT	13.	Đầu cắm USB 1 (Nguồn điện 5V---1,5A)(*)
5.	Đầu cắm RJ-45	14.	Đầu vào âm thanh
6.	Đầu cắm HDMI 2	15.	Đầu ra âm thanh
7.	Đầu cắm HDMI 1 (HDMI v2.0 4K)	16.	Đầu cắm RS232
8.	Đầu ra HDMI (**)	17.	Ổ cắm điện / Công tắc nguồn
9.	Đầu cắm VGA-IN	18.	Cổng khóa Kensington™

Lưu ý: (*) Không nên sạc điện thoại di động.
(**) Chỉ ngõ ra HDMI vòng lặp qua HDMI1.

GIỚI THIỆU

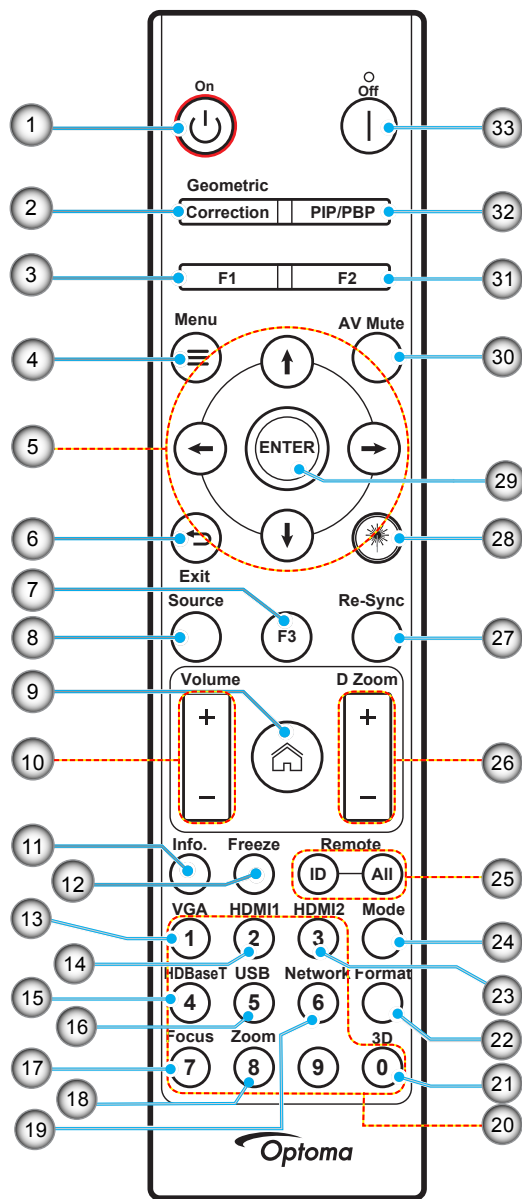
Bàn phím và đèn báo LED



STT	Mục	STT	Mục
1.	Nút nguồn	8.	Thoát
2.	Dịch chuyển ống kính	9.	Menu
3.	Nhập	10.	Bộ thu hồng ngoại
4.	Bốn phím chọn điều hướng	11.	Đèn LED
5.	Lấy nét (hỗ trợ mẫu ống kính 1,25x/ ống kính Độ lệch tâm Ngắn)	12.	Đèn LED NGUỒN
6.	Hiệu chỉnh độ méo	13.	Đèn LED nhiệt độ
7.	Thu phóng (hỗ trợ mẫu ống kính 1,25x/ ống kính Độ lệch tâm Ngắn)		





GIỚI THIỆU

Điều khiển từ xa



STT	Mục	Mục
1.	Bật nguồn	Tham khảo phần "Bật/tắt máy chiếu" ở trang 25-27.
2.	Hiệu chỉnh hình học	Nhấn "Geometric Correction" để mở menu Hiệu chỉnh hình học. Chỉnh hình chiều ngang/ Chỉnh hình chiều dọc / 4 góc / Thiết lập lại, sử dụng bốn phím lựa chọn điều hướng.
3.	Nút chức năng (F1) (Có thể gán được)	Nhấn "F1" để bật chức năng.
4.	Menu	Nhấn " để mở menu hiển thị trên màn hình (OSD).
5.	Bốn phím chọn điều hướng	Sử dụng để chọn các mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
6.	Thoát	Thoát khỏi trang hiện tại và trở về trang trước.
7.	Nút chức năng (F3) (Có thể gán được)	Nhấn "F3" để bật chức năng.
8.	Nguồn tín hiệu	Nhấn "Nguồn" để chọn tín hiệu đầu vào.

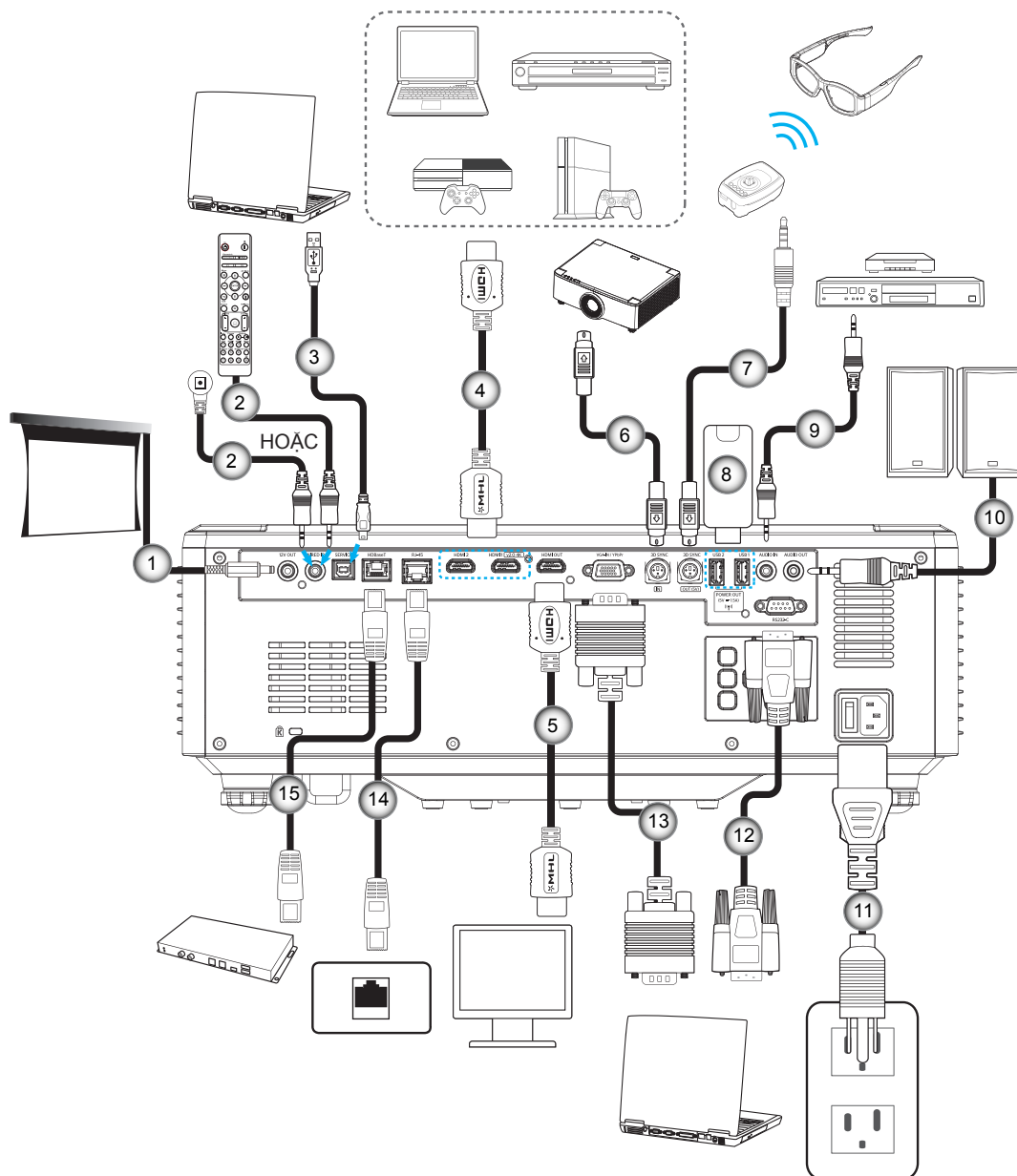
GIỚI THIỆU

STT	Mục	Mục
9.	Màn hình chính 	Nhấn "  để chuyển sang màn hình chính của chương trình khởi chạy.
10.	Âm lượng +/-	Điều chỉnh tăng/giảm âm lượng.
11.	Thông tin	Hiển thị thông tin máy chiếu.
12.	Đóng băng	Tạm dừng hình ảnh trên màn hình. Nhấn lần nữa để tiếp tục chiếu hình ảnh trên màn hình.
13.	VGA	Nhấn "VGA" để chuyển sang nguồn VÀO VGA.
14.	HDMI1	Nhấn "HDMI1" để chuyển sang nguồn HDMI 1.
15.	HDBaseT	Nhấn "HDBaseT" để chuyển sang nguồn HDBaseT.
16.	USB	Nhấn "USB" để chuyển sang nguồn USB.
17.	Lấy nét	Nhấn "Lấy nét" và nút \leftarrow hoặc \rightarrow trên điều khiển từ xa để lấy nét cho hình chiếu (Chỉ hỗ trợ mẫu 1,25x /ST).
18.	Thu phóng	Nhấn "Zoom" và nút \leftarrow hoặc \rightarrow trên điều khiển từ xa để thu phóng kích thước hình chiếu (hình ảnh (Chỉ hỗ trợ mẫu 1,25x/ST).
19.	Mạng	Nhấn "Mạng" để thiết lập cài đặt mạng.
20.	Bàn phím số (0~9)	Dùng làm số "0~9" trên bàn phím số.
21.	3D	Nhấn "3D" để chuyển sang nguồn 3D.
22.	Định dạng	Nhấn "Format" để đặt tỷ lệ khung hình khác.
23.	HDMI2	Nhấn "HDMI2" để chuyển sang nguồn HDMI 2.
24.	Chế độ	Nhấn "Mode" để chọn chế độ hiển thị.
25.	Mã điều khiển từ xa/ điều khiển từ xa tắt cả	Nhấn giữ phím ID từ xa trong 3 giây ở chế độ cài đặt ID sau đó nhập phím số để thiết lập ID từ xa.
26.	Zoom kỹ thuật số +/-	Phóng to/thu nhỏ hình chiếu.
27.	Tái Đồng Bộ	Tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn đầu vào.
28.	Laser 	Hướng điều khiển từ xa về phía màn hình, nhấn giữ phím "Laser" để bật đèn laser.  CẢNH BÁO: Không được nhìn vào laser đang bật. Tránh chiếu laser vào mắt.
29.	Nhập	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
30.	Chặn AV	Nhấn "Chặn AV" để tạm thời tắt/bật âm thanh và hình ảnh.
31.	Nút chức năng (F2) (Có thể gán được)	Nhấn "F2" để bật chức năng.
32.	Menu PIP/PBP	Nhấn "PIP/PBP" để khởi chạy menu PIP/PBP.
33.	Tắt nguồn	Tham khảo phần "Bật/tắt máy chiếu" ở trang 25-27.

Lưu ý: Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục
1.	Giắc cắm điện DC 12V
2.	Dây cáp điều khiển từ xa có dây hoặc dây cáp bộ thu IR
3.	Cáp USB (A sang B) (Chỉ để bảo hành)
4.	Cáp HDMI
5.	Cáp HDMI

STT	Mục
6.	Dây cáp Mini Din 3 chân
7.	Dây cáp Mini Din 3 chân
8.	Ổ đĩa USB flash
9.	Cáp đầu vào âm thanh
10.	Cáp đầu ra âm thanh

STT	Mục
11.	Dây nguồn
12.	Cáp RS232
13.	Cáp VGA
14.	Cáp RJ-45
15.	Cáp RJ-45

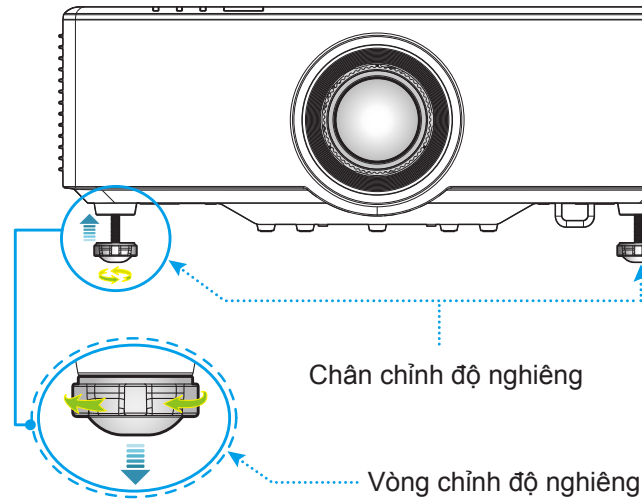
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Chỉnh hình chiếu

Điều chỉnh **ĐỘ** cao máy chiếu

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vặn bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



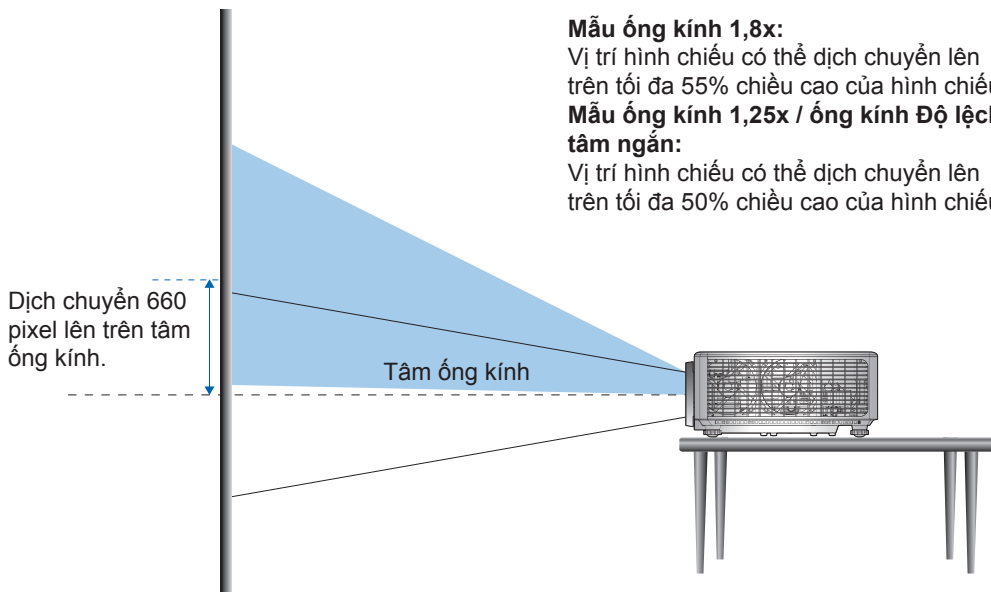
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Dịch chuyển hình chiếu

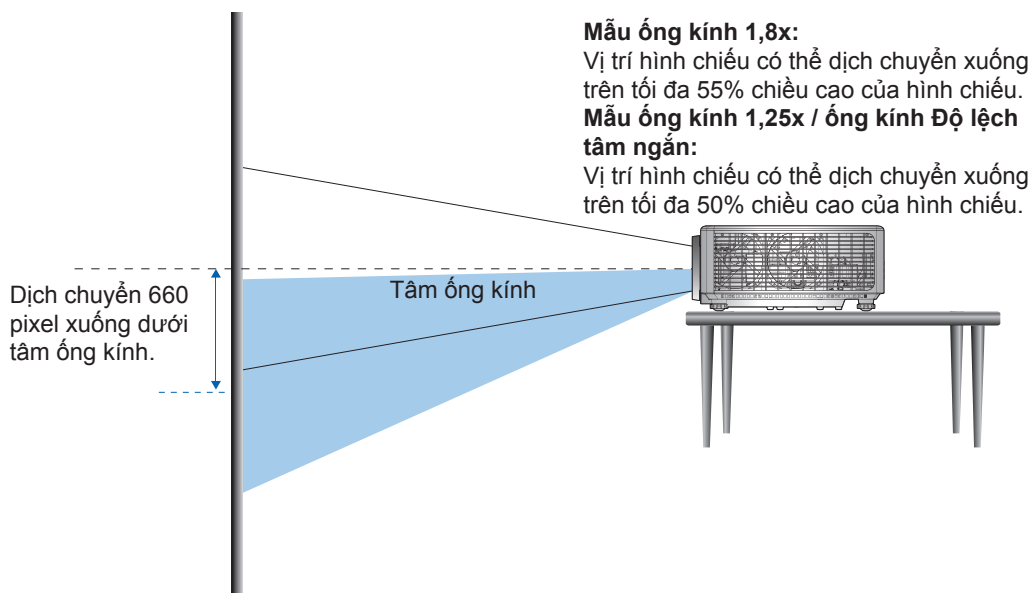
Có thể di chuyển ống kính máy chiếu lên, xuống, sang phải và sang trái bằng chức năng dịch chuyển ống kính bằng động cơ. Chức năng này giúp dễ dàng chọn vị trí hình ảnh trên màn hình. Độ dịch chuyển ống kính thường được thể hiện dưới dạng số phần trăm của chiều cao và chiều rộng hình ảnh, xem hình minh họa phía dưới.

Dịch chuyển ống kính dọc / ngang

Khi ống kính dịch chuyển lên trên:

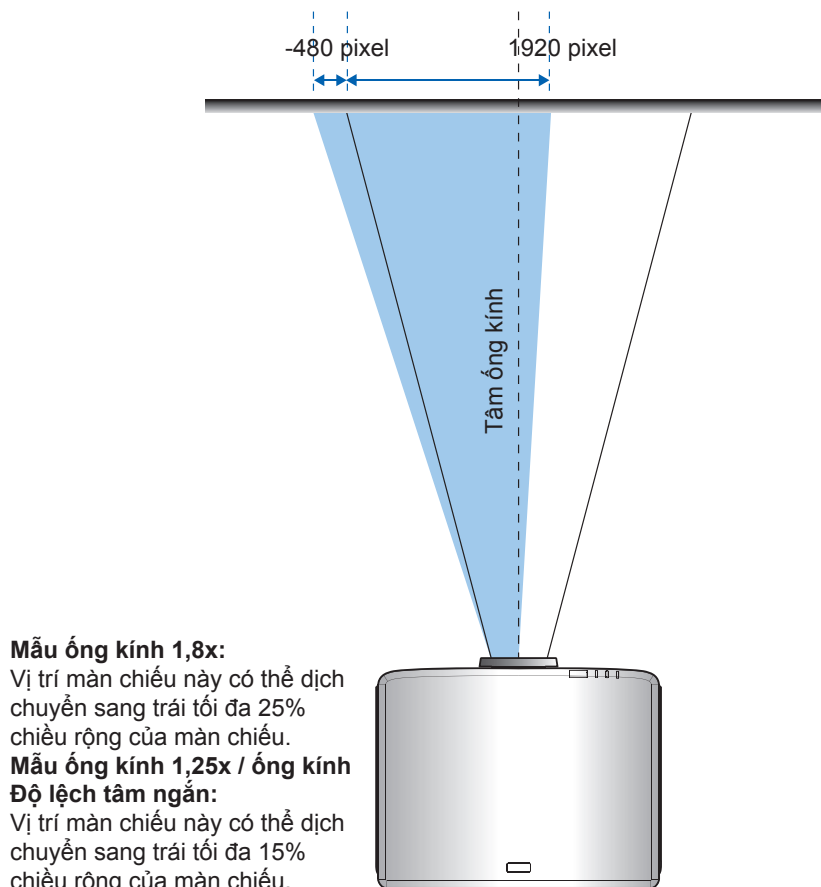


Khi ống kính dịch chuyển xuống dưới:

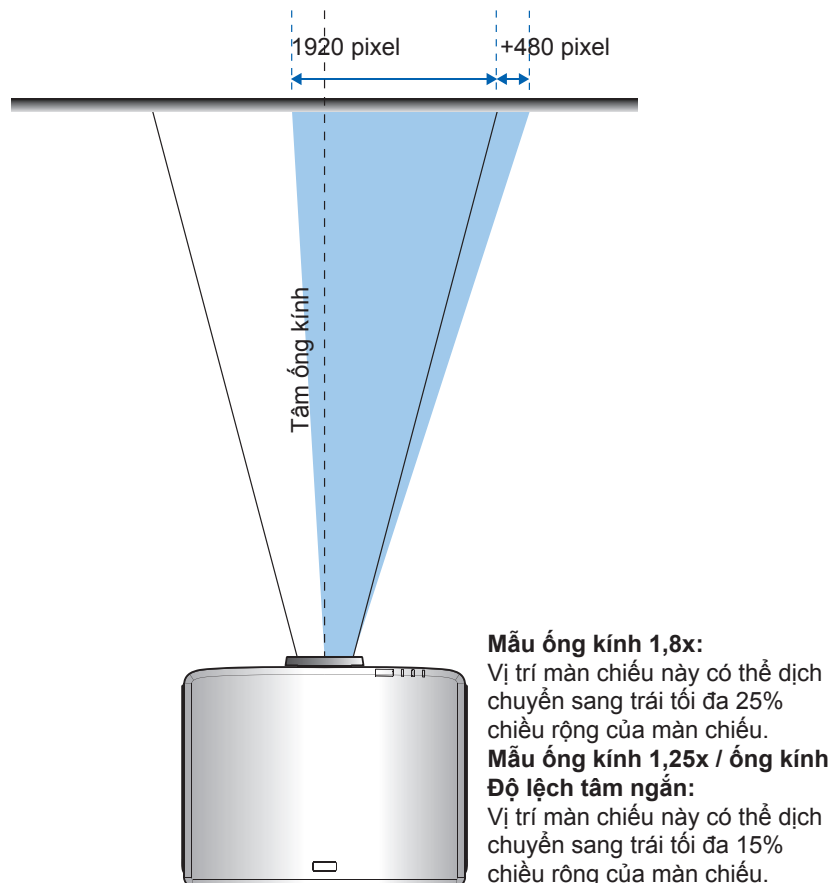


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Khi ống kính dịch chuyển hết sang trái:



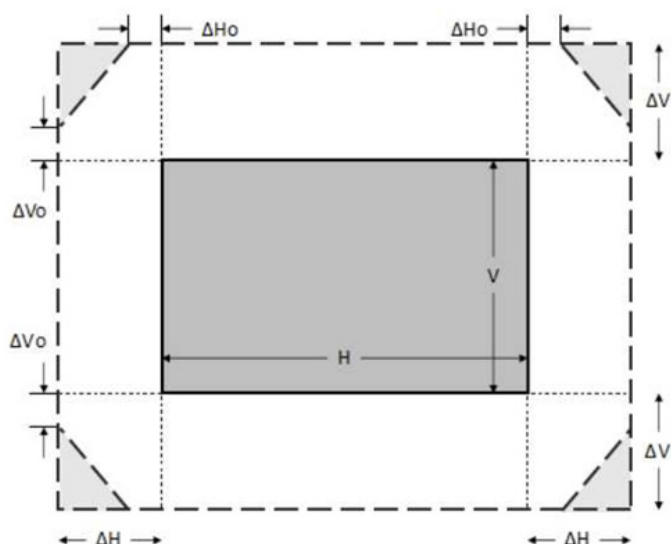
Khi ống kính dịch chuyển hết sang phải:



THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi dịch chuyển ống kính

WUXGA	Phạm vi dịch chuyển ống kính			
	ΔH	ΔV	ΔHo	ΔVo
Mẫu ống kính 1,8x	25%	55%	4%	12%
Mẫu ống kính 1,25x	15%	50%	0%	20%
Mẫu Độ lệch tâm ngắn	15%	50%	0%	20%



Lưu ý:

- ΔH : Phạm vi dịch chuyển ống kính theo chiều ngang khi ống kính đang ở chính giữa.
- ΔV : Phạm vi dịch chuyển ống kính theo chiều dọc khi ống kính đang ở chính giữa.
- ΔHo : Phạm vi dịch chuyển ống kính mà không mờ ảnh theo chiều ngang khi ống kính nằm vị trí giữa bên phải hoặc giữa bên trái.
- ΔVo : Phạm vi dịch chuyển ống kính mà không mờ ảnh theo chiều dọc khi ống kính nằm vị trí giữa bên phải hoặc giữa bên trái.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

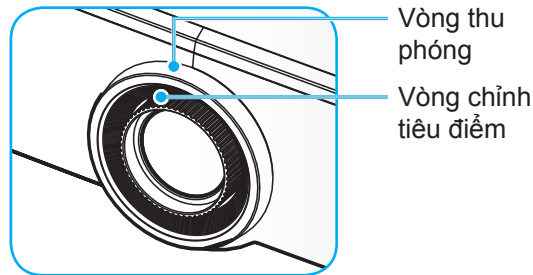
Điều chỉnh Thu phóng / Tiêu cự máy chiếu

Đối với mẫu ống kính 1,8x:

- Để điều chỉnh lấy nét, tự xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng. Máy chiếu lấy nét tại khoảng cách từ 46,1 đến 648,4 inch (1,17 m đến 16,47 m).
- Để điều chỉnh kích thước hình, tự xoay thanh gạt thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình.

Đối với mẫu ống kính 1,25x / ống kính Độ lệch tâm ngắn:

- Để điều chỉnh lấy nét và kích thước hình bằng động cơ, vui lòng sử dụng điều khiển từ xa hoặc bàn phím để điều khiển vòng thu phóng phóng to và thu nhỏ và điều khiển vòng lấy nét cho đến khi hình ảnh sắc nét và rõ ràng.
- Máy chiếu mẫu ống kính 1,25x lấy nét tại khoảng cách từ 51,1 đến 386,6 inch (1,30 m đến 9,96 m).
- Máy chiếu mẫu ống kính Độ lệch tâm ngắn lấy nét tại khoảng cách từ 31,2 đến 244,7 inch (0,79 m đến 6,21 m).



Lưu ý: Mẫu ống kính 1,25x/ ống kính Độ lệch tâm Ngắn không có vòng chỉnh tiêu điểm.

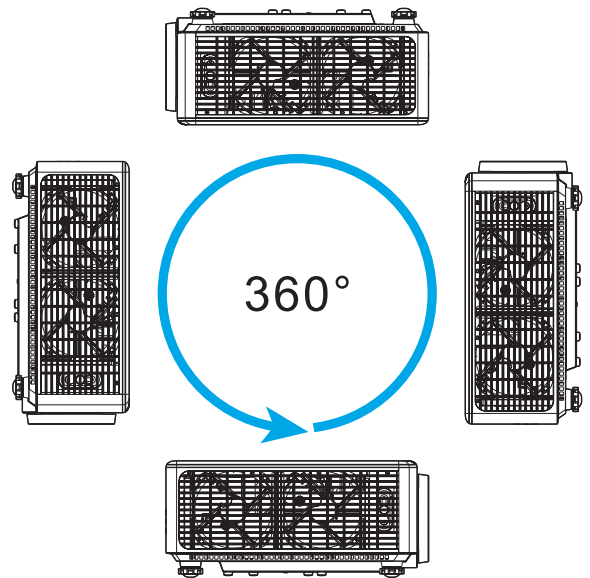
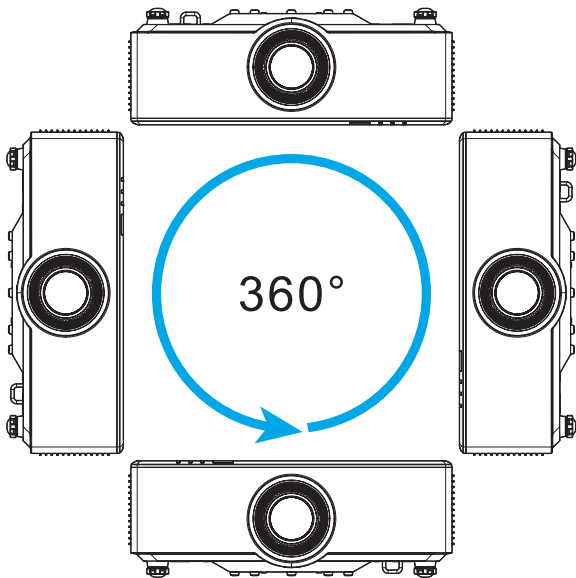
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh vị trí máy chiếu

Khi bạn chọn một vị trí cho máy chiếu, hãy cân nhắc kích thước và hình dạng màn hình, vị trí ổ cắm điện và khoảng cách từ máy chiếu đến thiết bị còn lại của bạn.

Hãy làm theo những hướng dẫn chung sau:

- Đặt máy chiếu trên bề mặt phẳng hướng vuông góc với màn chiếu. Máy chiếu mẫu ống kính 1,8x (với ống kính tiêu chuẩn) phải cách màn chiếu tối thiểu 40 inch (1,02 m). Máy chiếu mẫu ống kính 1,25x/ ống kính Độ lệch tâm ngắn (với ống kính tiêu chuẩn) phải cách màn chiếu tối thiểu 50 inch (1,27 m).
- Đặt máy chiếu ở khoảng cách mong muốn so với màn chiếu. Khoảng cách từ ống kính máy chiếu tới màn chiếu, cài đặt thu phóng và định dạng video sẽ quyết định kích thước hình chiếu.
- Tỷ lệ lệch tâm ống kính:
Mẫu ống kính 1,8x: 1,44 ~ 2,59
Mẫu ống kính 1,25x: 1,22 ~ 1,52
Mẫu Độ lệch tâm ngắn: 0,75 ~ 0,95
- Thao tác chỉnh hướng tự do 360 độ.



- Khi lắp đặt nhiều máy chiếu, hãy đặt các máy chiếu kế bên cách nhau tối thiểu 1m.
- Để lắp đặt giá treo trần/tường, chú ý đặt đầu vào lỗ không khí phía dưới của máy chiếu cách giá treo trần 15 mm (0,6").

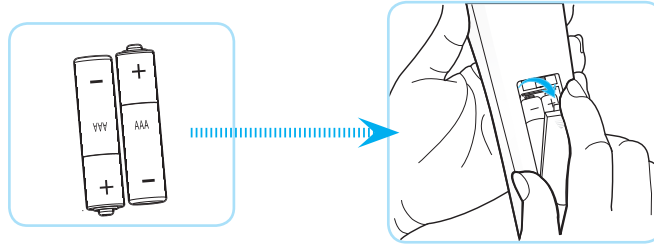
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp / thay pin điều khiển từ xa

Hai cục pin cỡ AAA được kèm theo điều khiển từ xa.

1. Tháo nắp đậy pin ở mặt sau điều khiển từ xa.
2. Lắp các cục pin AAA vào khoang chứa pin như hình minh họa.
3. Lắp lại nắp đậy phía sau vào điều khiển từ xa.



Lưu ý: Chỉ nên thay mới bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương.

CHÚ Ý

Sử dụng pin không thích hợp có thể gây ra rò rỉ hóa chất hoặc cháy nổ. Đảm bảo thực hiện theo các hướng dẫn bên dưới.

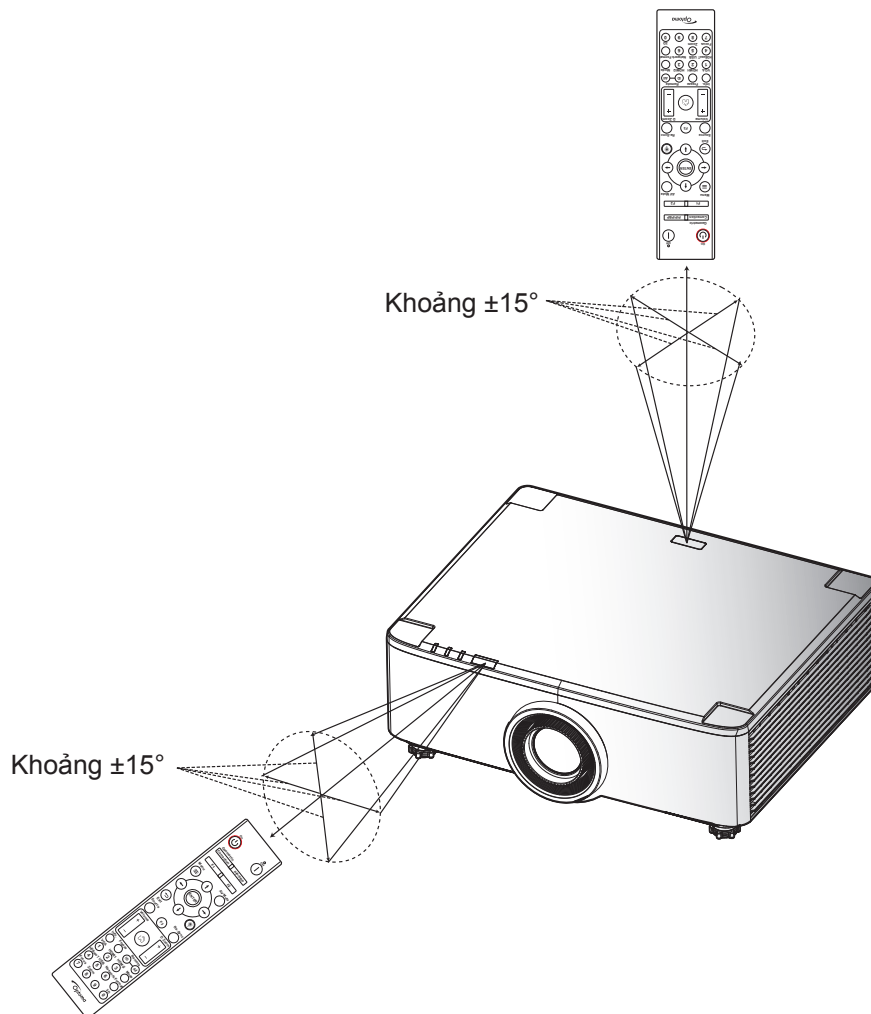
- Không được kết hợp với loại pin khác. Loại pin khác nhau có những đặc điểm khác nhau.
- Không được kết hợp pin cũ với pin mới. Kết hợp pin cũ với pin mới có thể rút ngắn tuổi thọ pin mới hoặc gây rò rỉ hóa chất ở pin cũ.
- Tháo pin ra ngay khi chúng bị cạn kiệt. Hóa chất rò rỉ từ pin tiếp xúc với da có thể gây mẩn ngứa. Nếu bạn phát hiện có bất kỳ rò rỉ hóa chất nào, hãy lau kỹ bằng khăn.
- Pin kèm theo sản phẩm này có thể có tuổi thọ dự kiến ngắn hơn do các điều kiện bảo quản.
- Nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong thời gian dài, hãy tháo pin ra.
- Khi thải bỏ pin, bạn phải tuân thủ luật pháp tại khu vực hoặc quốc gia liên quan.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Cự ly hoạt động của điều khiển từ xa

Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trên và phía trước máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30 độ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách từ điều khiển từ xa đến cảm biến không được quá 6 mét (19,7 foot) khi hướng điều khiển góc $\pm 15^\circ$ và không quá 8 mét (26,2 foot) khi hướng cảm biến ở góc 0° .

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Khi nhắm vào màn hình, khoảng cách hoạt động ngắn hơn 5 mét so từ điều khiển từ xa đến màn hình và phản chiếu các tia IR trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động có thể thay đổi theo các màn hình.

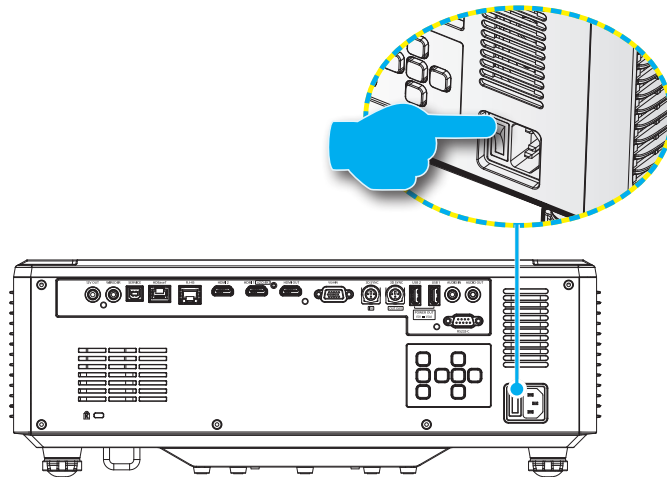


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

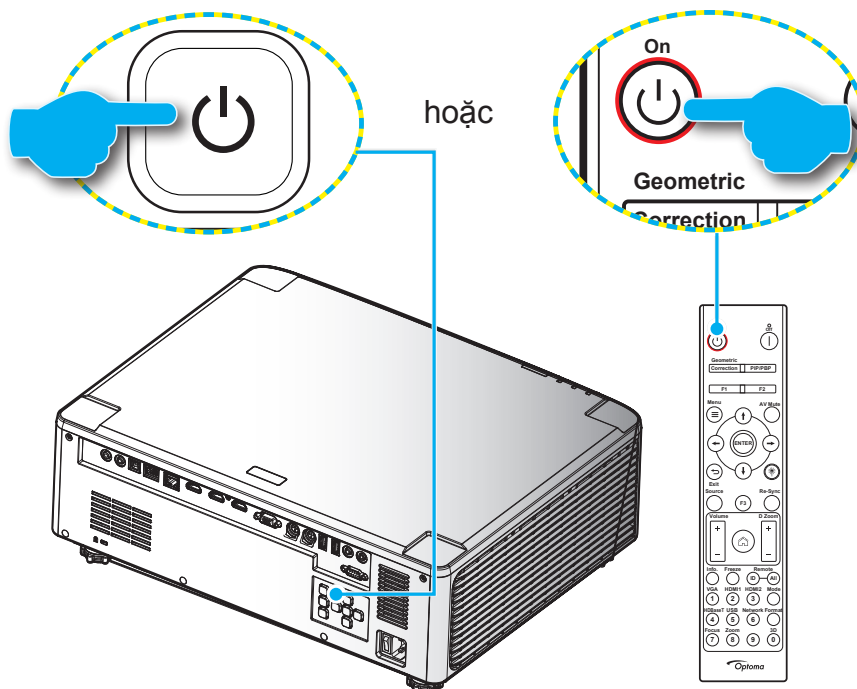
Bật/tắt máy chiếu

Bật nguồn

1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã cắm, đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Gạt công tắc nguồn sang vị trí "I" (Bật) và đợi cho đến khi nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu sáng một màu đỏ.

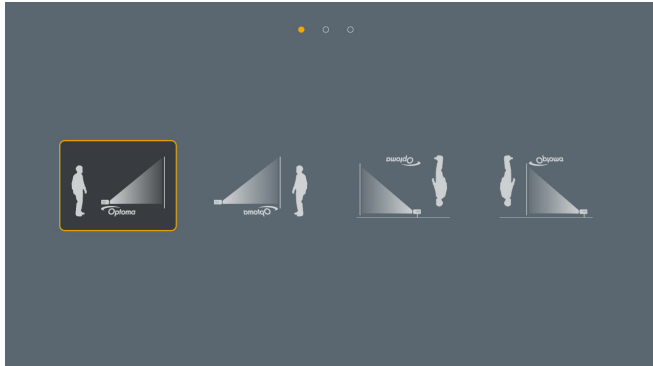


3. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa. Trong khi khởi động, đèn LED nguồn sẽ nhấp đỏ và khi hoạt động bình thường, đèn LED nguồn sẽ sáng một màu lục.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

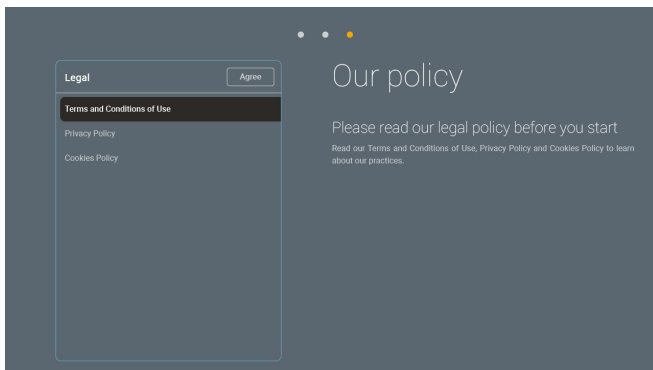
Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc thực hiện thiết lập ban đầu bao gồm việc chọn hướng chiếu, ngôn ngữ ưu tiên, và nhiều tùy chọn khác. Một khi màn hình **Cài đặt hoàn tất!** hiển thị, điều này cho biết máy chiếu đã sẵn sàng sử dụng.



[Màn hình chiếu]



[Màn hình ngôn ngữ]



[Màn hình quy định]

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc nút | trên điều khiển từ xa. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:



2. Nhấn nút ⏻ hoặc | lần nữa để xác nhận, nếu không, thông báo đéo sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút ⏻ hoặc | lần thứ hai, máy chiếu sẽ tắt.
3. Trong chu kỳ làm nguội, đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy. Khi đèn LED nguồn sáng một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút "⏻" ở trên máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để bật máy chiếu.
4. Ngắt dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý:


- *Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.*
- *Theo mặc định, máy chiếu tự động tắt sau 20 phút không hoạt động. Bạn có thể tùy chỉnh độ dài thời gian không hoạt động ở menu "Tắt nguồn tự động (phút)" trong "Cài đặt Hệ thống → Nguồn". Nếu thay vào đó bạn muốn đưa máy chiếu vào chế độ chờ, hãy tắt chức năng tự động tắt nguồn và đặt hẹn giờ ngủ trong "Cài đặt Hệ thống → Nguồn → Hẹn giờ ngủ (phút)".*

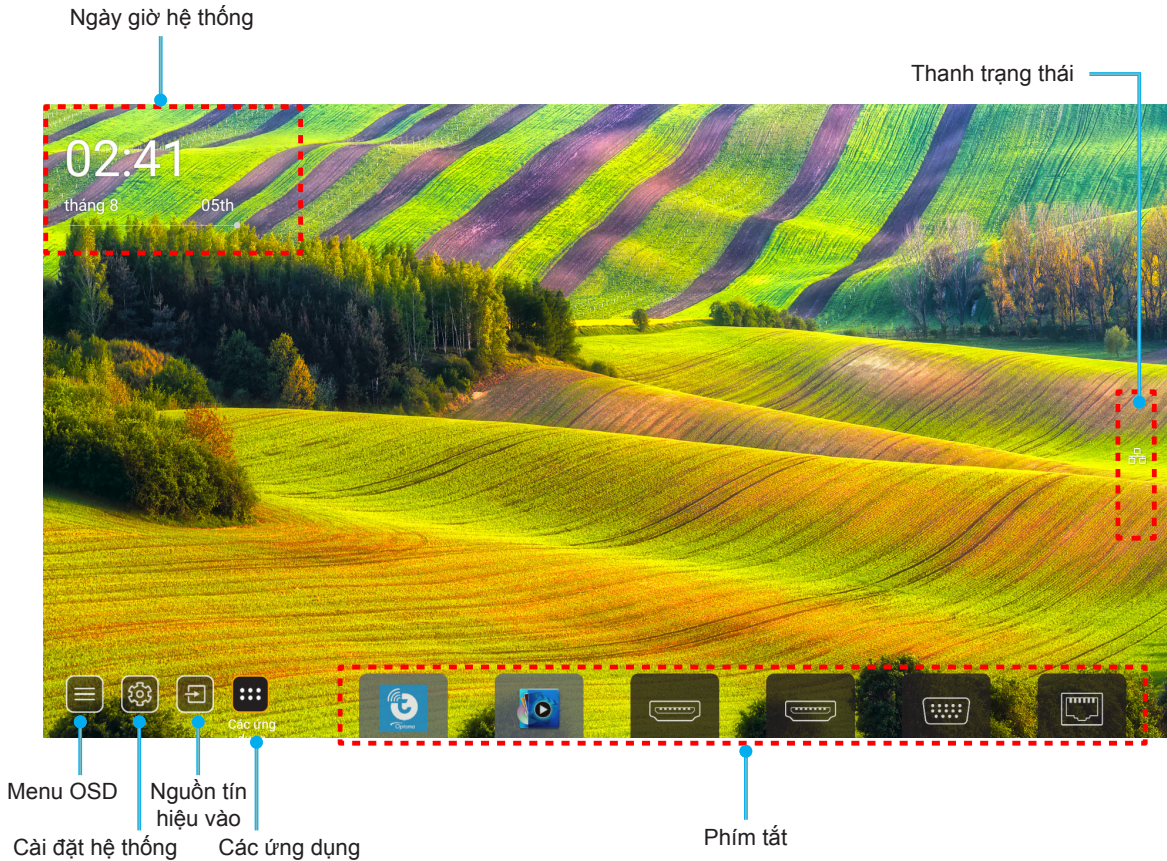
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tổng quan về màn hình chính


Màn hình chính sẽ hiển thị mỗi khi bạn bật máy chiếu. Nó chứa ngày giờ hệ thống, trạng thái hệ thống, biểu tượng truy cập menu OSD, menu cài đặt máy chiếu, ứng dụng, nguồn đầu vào và nhiều tùy chọn khác.

Để điều hướng màn hình chính, chỉ cần sử dụng các nút trên điều khiển từ xa.

Bạn có thể trở về màn hình chính bất cứ lúc nào bằng cách nhấn “” trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang ở vị trí nào trong giao diện người dùng.



Lưu ý: Menu hoặc mục vừa chọn được tô sáng bằng màu cam, ví dụ: “Các ứng dụng” trên hình ảnh ở trên.

Lưu ý: Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Menu cài đặt Hệ thống  → Cá nhân hóa → Phím Tắt Trang Chủ”. Bạn cũng có thể sửa đổi trình tự phím tắt trên màn hình chính.

Ngày giờ hệ thống

Ngày giờ sẽ hiển thị trên màn hình chính nếu máy chiếu được kết nối mạng. Cài đặt mặc định là 10 giờ sáng, ngày 01/01/2019. Sáng/Tối sẽ chỉ hiển thị nếu định dạng 24 giờ đã tắt.

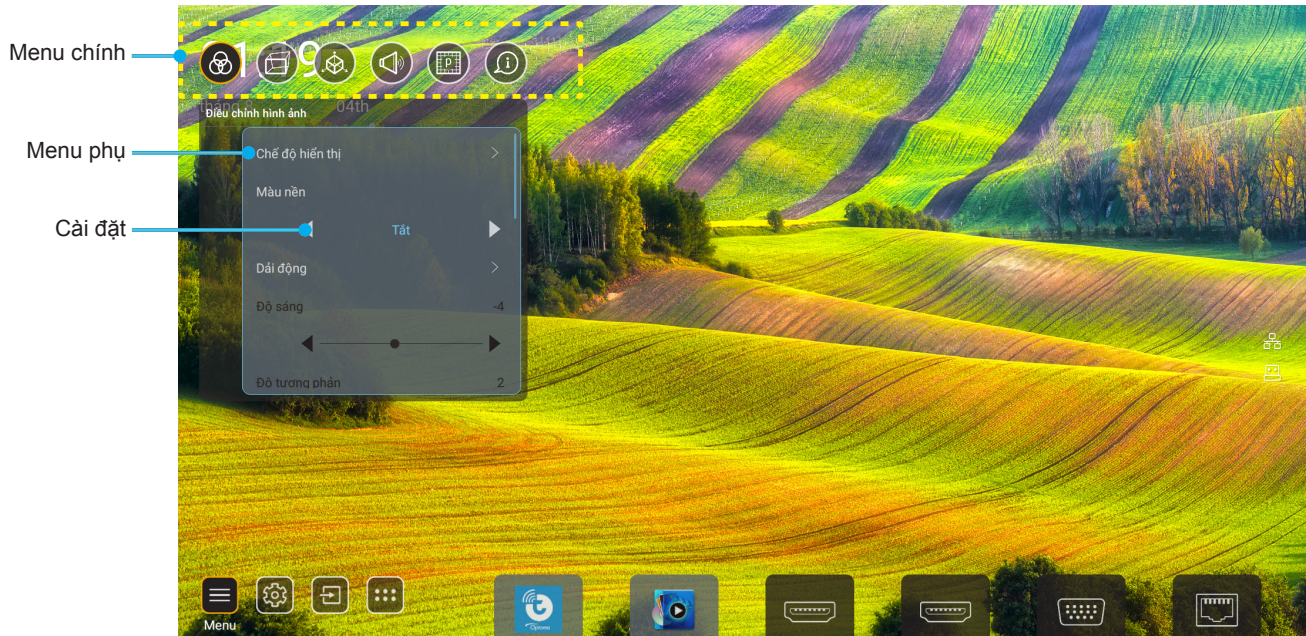
Để sửa đổi các thông số ngày giờ, chọn mục tương ứng trên màn hình. Trang cài đặt Ngày giờ sẽ tự động mở. Sau đó hãy thực hiện các sửa đổi.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt máy chiếu (OSD)

Nhấn “☰” trên điều khiển từ xa hoặc trên màn hình chính, chọn menu OSD “⊞” để xem lại thông tin máy chiếu hoặc quản lý nhiều cài đặt khác nhau liên quan đến hình ảnh, màn hình, 3D, âm thanh và thiết lập.

Điều hướng menu chung



1. Khi menu OSD hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Khi thực hiện lựa chọn trên một trang riêng, hãy nhấn “OK” để vào menu phụ.
2. Nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn “OK” để mở menu phụ liên quan.
3. Nhấn nút “**Trên**” và “**Dưới**” để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút “OK” để bật hoặc tắt một cài đặt hoặc nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để điều chỉnh một giá trị.
5. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
6. Để thoát, nhấn “**↶**” (nhiều lần nếu cần). Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD

Lưu ý: Menu OSD hiển thị cùng ngôn ngữ với hệ thống. Nếu cần, hãy đổi ngôn ngữ trong menu Cài đặt hệ thống.

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Điều chỉnh hình ảnh	Chế độ hiển thị			Chế độ trình diễn	
				Sáng	
				HDR	
				Rạp chiếu	
				sRGB	
				DICOM SIM.	
				Phương thức phối màu	
				Người dùng	
				3D	
	Wall Color				Tắt
					Bảng đen
					Light Yellow
					Light Green
					Light Blue
					Pink
	Dynamic Range	HDR			Tự động [Chế độ mặc định]
					Tắt
		Chế độ hình HDR			Sáng
					Tiêu chuẩn [Chế độ mặc định]
					Phim
				Detail	
	Độ sáng				-50 ~ +50
	Độ tương phản				-50 ~ +50
	Độ sắc nét				1 ~ 15
	Màu sắc				-50 ~ +50
	Sắc thái				-50 ~ +50
	Gamma	Phim			
Cài đặt màu sắc	BrilliantColor™			1 ~ 10	
				Tiêu chuẩn	
	Mức độ màu			Mát	
				Lạnh	











SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
Điều chỉnh hình ảnh	Cài đặt màu sắc	Tinh chỉnh màu	Màu sắc	R [Chế độ mặc định]
				G
				B
				C
				Y
				M
		W		
		Màu sắc	0 ~ 199	
		Độ bão hòa	0 ~ 199	
		Tăng cường	0 ~ 199	
		Thiết lập lại	Hủy [Chế độ mặc định] Có	
		Tăng/Lệch RGB	Tăng đỏ	0 ~ 100
	Tăng lục		0 ~ 100	
	Tăng lam		0 ~ 100	
	Lệch đỏ		0 ~ 100	
	Lệch lục		0 ~ 100	
	Độ lệch sắc lam		0 ~ 100	
	Thiết lập lại	Hủy [Chế độ mặc định] Có		
	Mức đen động			Tắt [Chế độ mặc định] Bật
	Màu đen cực độ			Tắt [Chế độ mặc định] Bật
Chế độ sáng	Năng lượng không đổi		100% [Chế độ mặc định], 80%, 65%, 50%	
	Độ sáng không đổi		Tắt [Chế độ mặc định] 85%, 80%, 75%, 70%	
Thiết lập lại			Hủy [Chế độ mặc định] Có	
HIỂN THỊ	Tỉ lệ khung hình			Tự động
				4:3
				16:9
				16:10
	Mặt nạ biên			0 ~ 10 [Chế độ mặc định: 0]
	Zoom kỹ thuật số	Thu phóng		-5 ~ +25 [Chế độ mặc định: 0]
		Thiết lập lại		Không [Chế độ mặc định] Có
Dịch chuyển hình			(Dịch chuyển hình để điều chỉnh)	











SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
HIỂN THỊ	Hiệu chỉnh hình học	Four Corner Control		Tắt	
				Bật [Chế độ mặc định]	
		Điều chỉnh bốn góc		(Mẫu để điều chỉnh)	
		Chỉnh vuông ngang		-40 ~ +40 [Chế độ mặc định: 0]	
		Chỉnh vuông dọc		-40 ~ +40 [Chế độ mặc định: 0]	
		Kiểm soát cong/vênh		Tắt [Chế độ mặc định]	
				Menu OSD	
		Cong/vênh thanh nhớ	Áp dụng	1 ~ 5 [Chế độ mặc định: 1]	
			Lưu Thiết Đặt Hiện Tại	1 ~ 5 [Chế độ mặc định: 1]	
		Warp/Blend Cursor Color		Lục	
				Đỏ thẫm [Chế độ mặc định]	
				Đỏ	
		Warp/Blend Grid Color		Xanh ngọc	
				Lục [Chế độ mặc định]	
				Đỏ thẫm	
		Warp/Blend Background Color		Đỏ	
				Xanh ngọc	
				Không	
				Đen [Chế độ mặc định]	
		Cài đặt sợi dọc	Hiệu chuẩn sợi dọc		(Mẫu để điều chỉnh)
					2x2 [Chế độ mặc định]
					3x3
					5x5
					9x9
				17x17	
		Bên trong sợi dọc		Tắt [Chế độ mặc định]	
				Bật	
		Độ sắc nét sợi dọc		0 ~ 9 [Chế độ mặc định: 9]	
		Cài đặt kết hợp	Độ rộng cong		(Mẫu để điều chỉnh)
					4 [Chế độ mặc định]
			Chồng số khung lưới		6
					8
					10
					12
			Pha trộn gamma		1.8
					2.0
					2.2 [Chế độ mặc định]
					2.4
			2.6		
		Thiết lập lại		Hủy [Chế độ mặc định]	
	Có				





SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
HIỂN THỊ	Tín hiệu	Tự động		Tắt [Chế độ mặc định]	
				Bật	
		Tần số		-50~+50 (tùy vào tín hiệu)	
		Pha		0~31 (tùy vào tín hiệu)	
		Vị trí.Ngang		-30~+10 (tùy vào tín hiệu)	
		Vị trí.Dọc		-10~+10 (tùy vào tín hiệu)	
	PIP/PBP	Màn hình			Không
					PIP 
				PBP 	
		Vị trí PIP			
					
					
					
		Vị trí PBP			
					
					
					
		Kích cỡ			Lớn
					Trung bình
					Nhỏ
		Nguồn chính			HDMI 1
					HDMI 2
					VGA
					HDBaseT
					USB
					Màn hình chính
		Nguồn phát phụ			HDMI 1
					HDMI 2
					VGA
					HDBaseT
				USB	
				Màn hình chính	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
HIỂN THỊ	PIP/PBP	Đổi		Tắt [Chế độ mặc định]
				Bật
	Tùy chỉnh Menu	Vị trí thực đơn		 [Chế độ mặc định]
				
				
				
				
		Menu Timer		Tắt
				5 giây
			10 giây [Chế độ mặc định]	
3D	Chế độ 3D			Tắt [Chế độ mặc định]
				Bật
	Kỹ thuật 3D			DLP-Link [Chế độ mặc định]
				3D Sync
	Định dạng 3D			Tự động [Chế độ mặc định]
				
				SBS
				
				Trên và dưới
				
			Khung tuần tự	
				
			Đóng gói khung	
				
	Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D			Tắt [Chế độ mặc định]
				Bật
	Đồng bộ hóa 3D Ra			Tới bộ phát [Chế độ mặc định]
			Tới mục tiếp theo Máy chiếu	
Ưu tiên L/R			GPIO hiện trường	
			Khung hình thứ 1 [Chế độ mặc định]	
Độ trễ khung hình 3D			0 ~ 200	
Thiết lập lại			Hủy [Chế độ mặc định]	
			Có	
Âm thanh	Tắt âm			Tắt [Chế độ mặc định]
				Bật
	Âm lượng			0 ~ 100 [Chế độ mặc định: 50]

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị		
Cài Đặt	Chế độ chiếu			 [Chế độ mặc định]		
						
						
						
	Loại màn chiếu				4:3	
					16:9	
					16:10 [Chế độ mặc định]	
	Cài đặt tấm lọc	Số giờ sử dụng tấm lọc			Chỉ đọc [Phạm vi 0~99999]	
		Đã lắp đặt tấm lọc tùy chọn			Không [Chế độ mặc định] Có	
		Báo nhắc tấm lọc				Tắt
						300 giờ
						500 giờ [Chế độ mặc định]
						800 giờ
						1000 giờ
		Cài lại tấm lọc			Hủy [Chế độ mặc định] Có	
	Cài đặt ống kính	Thu phóng (chỉ mẫu ống kính 1,25/ ống kính Độ lệch tâm ngắn)			(Thu phóng để điều chỉnh)	
		Lấy nét (chỉ mẫu ống kính 1,25/ ống kính Độ lệch tâm ngắn)			(Lấy nét để điều chỉnh)	
		Chức năng ống kính			Unlock [Chế độ mặc định] Lock	
		Dịch chuyển ống kính			(Mẫu để điều chỉnh)	
		Hiệu chỉnh ống kính			(Hiệu chỉnh ống kính để điều chỉnh)	
		Bộ nhớ thấu kính	Áp dụng vị trí			1 ~ 5
			Lưu vị trí hiện tại			1 ~ 5
			Thiết lập lại			Hủy [Chế độ mặc định] Có
	Mẫu thử				Khung lưới xanh	
					Khung lưới đỏ thẫm	
					Khung lưới trắng	
					Trắng	
					Tắt	
	Điều chỉnh tốc độ quạt				Tắt [Chế độ mặc định]	
					Bật	
	Khoá chế độ hiển thị				Tắt [Chế độ mặc định]	
					Bật	
	Khóa bàn phím				Tắt [Chế độ mặc định]	
					Bật	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
Thông tin	HIỂN THỊ	Chế độ hiển thị		
		Chế độ sáng	Năng lượng không đổi	
	Phần cứng	Chế độ nguồn (Chờ)		
		Điều chỉnh tốc độ quạt		
		Số giờ sử dụng tấm lọc		Chỉ đọc [Phạm vi 0~99999 giờ]
		Số giờ máy chiếu		Chỉ đọc [Phạm vi 0~99999 giờ]
		Nhiệt độ hệ thống		Chỉ đọc
	Nguồn tín hiệu vào	Nguồn chính	Nguồn tín hiệu	
			Độ phân giải	
			Tốc độ cập nhật	
			Độ sâu màu	
		Nguồn phát phụ	Nguồn tín hiệu	
			Độ phân giải	
			Tốc độ cập nhật	
			Độ sâu màu	
	Mạng	Điều khiển LAN	Trạng thái LAN	
			Địa chỉ IP	
			Subnet mask	
			Gateway	
			DNS	
			Địa chỉ MAC	
	Về	Điều khiển		
		Số Seri		
		Phiên bản FW	Hệ thống	
			LAN	
			MCU	
	DDP			
	Điều khiển	Mã nhận dạng (ID)		0~99
Mã điều khiển			0~99	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Cài đặt hình

Chế độ hiển thị

Có nhiều cài đặt sẵn được tối ưu hóa cho nhiều loại hình ảnh khác nhau.

- **Chế độ trình diễn:** Chế độ này thích hợp để thuyết trình trước công chúng khi kết nối với PC.
- **Sáng:** Độ sáng tối đa từ đầu vào PC.
- **HDR:** Mã hóa và hiển thị nội dung Dải Tương Phản Động Rộng (HDR) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020. Chế độ này sẽ được bật tự động nếu HDR được cài sang BẬT (và Nội dung HDR được gửi sang máy chiếu – 4K UHD Blu-ray, game 1080p/4K UHD HDR, Video phát trực tiếp 4K UHD). Trong khi chế độ HDR hoạt động, bạn không thể chọn các chế độ hiển thị khác (Điện ảnh, Tham chiếu, v.v...) vì HDR cung cấp màu sắc có độ chính xác cao, vượt quá hiệu suất màu của các chế độ hiển thị khác.
- **Rạp chiếu:** Cung cấp các màu sắc đẹp nhất để xem phim.
- **sRGB:** Màu sắc chính xác chuẩn hóa.
- **DICOM SIM.:** Chế độ này có thể chiếu hình y tế đơn sắc như chụp X-quang, MRI, v.v...
- **Phương thức phối màu:** Khi sử dụng nhiều máy chiếu, chế độ này có thể loại bỏ dải màu và tạo thành một hình chiếu sáng có độ phân giải cao trên màn chiếu.
- **Người dùng:** Ghi nhớ các cài đặt của người dùng.
- **3D:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính 3D. Đảm bảo đã lắp đặt một đầu đĩa DVD Blu-ray 3D.

Lưu ý:

- *Chế độ 3D mặc định được tắt.*
- *Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chế độ Chế độ trình diễn, Sáng, Rạp chiếu, sRGB, DICOM SIM., Phương thức phối màu và Người dùng sẽ không khả dụng.*
- *Khi bật chức năng 3D hoặc HDR, chế độ Chế độ trình diễn, Sáng, Rạp chiếu, sRGB, DICOM SIM., Phương thức phối màu và Người dùng sẽ không khả dụng.*

Wall Color

Dùng chức năng này để có được hình hiển thị tối ưu theo màu tường. Chọn giữa Tắt, Bảng đen, Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Mức xám.

Lưu ý: Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị hoặc 3D, chức năng Màu tường sẽ không khả dụng.

Dynamic Range

Định cấu hình cài đặt Dải động cao (HDR) và hiệu ứng của nó khi hiển thị video từ đầu phát Blu-ray 4K HDR, Bàn điều khiển trò chơi 1080p HDR & 4K HDR, Hộp đổi tín hiệu cáp TV phát trực tiếp 4K HDR và các dịch vụ phát trực tiếp 4K HDR.

Lưu ý: Nguồn HDMI 2 và VGA không hỗ trợ Dải động.

➤ HDR (Dải tương phản động rộng)

- **Tự động:** Tự động phát hiện tín hiệu HDR.
- **Tắt:** Tắt hiệu ứng xử lý HDR. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR.

➤ Chế độ hình HDR

- **Sáng:** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Tiêu chuẩn:** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Phim:** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail:** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và giúp hình ảnh sắc nét trong các cảnh tối.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Độ sáng

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

Lưu ý:

- Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chức năng điều chỉnh Độ sáng sẽ không khả dụng.
- Khi nguồn đầu vào chuyển sang Màn hình chính, chức năng điều chỉnh Độ sáng sẽ không khả dụng.

Độ tương phản

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Lưu ý:

- Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chức năng điều chỉnh Độ tương phản sẽ không khả dụng.
- Khi nguồn đầu vào chuyển sang Màn hình chính, chức năng điều chỉnh Độ tương phản sẽ không khả dụng.

Độ sắc nét

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

Màu sắc

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

Lưu ý: Khi định dạng màu của nguồn đầu vào VGA, HDMI 1, HDMI 2 và HDBaseT là RGB, chức năng điều chỉnh Màu sắc sẽ không khả dụng.

Sắc thái

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

Lưu ý: Khi định dạng màu của nguồn đầu vào VGA, HDMI 1, HDMI 2 và HDBaseT là RGB, chức năng điều chỉnh Sắc thái sẽ không khả dụng.

Gamma

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Phim:** Cho nhà hát tại gia.
- **Video:** Cho nguồn video hoặc TV.
- **Đồ họa:** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **Tiêu chuẩn(2.2):** Cho cài đặt chuẩn hóa.
- **1.8/2.0/2.4/2.6:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể.

Lưu ý:

- Những tùy chọn này chỉ khả dụng nếu tắt chức năng chế độ 3D, cài đặt **Wall Color** được đặt thành **Bảng đen** và cài đặt **Chế độ hiển thị** không được đặt thành **DICOM SIM.** hoặc **HDR.**
- Khi **Chế độ hiển thị** là **HDR, 3D, Bảng đen** và **DICOM SIM.**, chức năng điều chỉnh Gamma sẽ không khả dụng
- Khi Khóa **Chế độ hiển thị, chế độ DICOM SIM., Wall Color, 3D** hoặc chức năng **HDR** được bật, chức năng điều chỉnh Gamma sẽ không khả dụng.

Cài đặt màu sắc

Định cấu hình cài đặt màu sắc.

- **BrilliantColor™:** Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.

Lưu ý: Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chế độ Pha trộn hoặc 3D, chức năng BrilliantColor sẽ không khả dụng

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- **Mức độ màu:** Chọn mức độ màu từ Tiêu chuẩn, Mát hoặc Lạnh.
Lưu ý: Khi bật Khóa chế độ hiển thị, chế độ sRGB, Pha trộn, Người dùng hoặc 3D, chức năng điều chỉnh Mức độ màu sẽ không khả dụng.
- **Tinh chỉnh màu:** Điều chỉnh màu sắc, độ bão hòa và tăng cường R (đỏ), G (lục), B (lam), C (xanh ngọc), Y (vàng), M (đỏ thẫm) hoặc (W) màu trắng.
Lưu ý:
 - Chọn “Thiết lập lại” để thiết lập lại các cài đặt Tinh chỉnh màu và/hoặc chọn “Thoát” để thoát menu Tinh chỉnh màu.
 - Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chức năng tinh chỉnh màu sẽ không khả dụng.
- **Tăng/Lệch RGB:** Cài đặt này cho phép cài đặt độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.
Lưu ý:
 - Chọn “Thiết lập lại” để thiết lập lại các cài đặt Tăng cường/Lệch RGB hoặc chọn “Thoát” để thoát menu Tăng cường/Lệch RGB.
 - Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chức năng Tăng/Lệch RGB sẽ không khả dụng.

Mức đen động

Tự động điều chỉnh tỷ lệ tương phản của nội dung video.

Lưu ý: Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chức năng Mức đen động sẽ không khả dụng.

Màu đen cực độ

Tự động tăng độ tương phản khi hiển thị hình ảnh trống (màu đen).

Lưu ý: Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chức năng Màu đen cực độ sẽ không khả dụng.

Chế độ sáng

Chọn cài đặt chế độ sáng.

- **Năng lượng không đổi:** Chọn mức phần trăm điện năng không đổi cho chế độ sáng.
- **Độ sáng không đổi:** Chọn mức phần trăm độ sáng không đổi cho chế độ sáng.

Lưu ý: Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị hoặc Mức đen động, chức năng Chế độ sáng sẽ không khả dụng.

Thiết lập lại

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hình ảnh.

Lưu ý: Khi bật chức năng Khóa chế độ hiển thị, chức năng Thiết lập lại sẽ không khả dụng.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Hiển thị menu

Tỉ lệ khung hình

Chọn tỉ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **Tự động:** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.
- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD nâng cao cho tivi màn ảnh rộng.
- **16:10:** Định dạng này áp dụng cho các nguồn đầu vào 16:10, như laptop màn hình rộng.

Lưu ý: Khi nguồn đầu vào chuyển sang Màn hình chính, chức năng điều chỉnh Tỷ lệ khung hình sẽ không khả dụng.

Bảng tỷ lệ UHD 4K:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
Tự động	- Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 2880 x 2160. - Nếu nguồn vào là 16:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3840 x 2160. - Nếu nguồn vào là 15:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3600 x 2160. - Nếu nguồn vào là 16:10 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3456 x 2160.				
4x3	Chia tỉ lệ thành 2880 x 2160.				
16x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 2160.				
16x10	Chia tỉ lệ thành 3456 x 2160.				

Quy tắc tự bố trí:

	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	640	480	2880	2160
	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

Mặt nạ biên

Sử dụng chức năng này để khử nhiễu mã hóa video trên mép nguồn video.

Lưu ý: Khi nguồn đầu vào chuyển sang USB hoặc Màn hình chính, chức năng Mặt nạ biên sẽ không khả dụng.

Zoom kỹ thuật số

Điều chỉnh kích thước hình ảnh trên màn chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lưu ý: Khi nguồn đầu vào chuyển sang USB hoặc Màn hình chính, chức năng Thu phóng kỹ thuật số sẽ không khả dụng.

Dịch chuyển hình

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc dọc (V).

Lưu ý: Khi nguồn đầu vào chuyển sang USB hoặc Màn hình chính, chức năng Dịch chuyển hình sẽ không khả dụng.

Hiệu chỉnh hình học

Điều chỉnh cách chiếu hình để khớp với bề mặt hoặc hình dạng chiếu cụ thể.

- **Four Corner Control:** Cho phép bạn điều chỉnh bốn góc chiếu.
- **Điều chỉnh bốn góc:** Cho phép thu nhỏ hình ảnh để chiếu vừa lên diện tích tùy chọn bằng cách di chuyển vị trí x và y của bốn góc chiếu.
Lưu ý: Khi tắt chức năng Four Corner Control, chức năng Điều chỉnh bốn góc sẽ không khả dụng.
- **Chỉnh vuông ngang:** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.
- **Chỉnh vuông dọc:** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.
- **Kiểm soát cong/vênh:** Cài đặt sang "OSD" để sử dụng cài đặt cong/vênh để tùy chỉnh hình chiếu hoặc chuyển sang "Off" để chiếu hình độ phân giải gốc.
- **Cong/vênh thanh nhớ:** Lưu dữ liệu cong/vênh sau khi cài đặt cong/vênh. Áp dụng dữ liệu cong/vênh cho bộ nhớ cong/vênh đã chọn. Bộ nhớ cong/vênh có thể lưu tối đa năm dữ liệu cài đặt.
- **Warp/Blend Cursor Color:** Cho phép bạn lựa chọn màu con trỏ Cong/vênh. Các tùy chọn bao gồm: Lục, Đỏ thẫm (mặc định), Đỏ, và Xanh ngọc.
- **Warp/Blend Grid Color:** Cho phép bạn lựa chọn màu khung lưới Cong/vênh. Các tùy chọn bao gồm: Lục (mặc định), Đỏ thẫm, Đỏ và Xanh ngọc.
- **Warp/Blend Background Color:** Cho phép bạn chọn màu nền Cong/vênh. Các tùy chọn bao gồm Không và Đen (mặc định).
- **Cài đặt sợi dọc:** Định cấu hình cài đặt cong.
 - **Hiệu chuẩn sợi dọc:** Nhấn **↑**, **↓**, **←** hoặc **→** để lấy nét điểm. Nhấn Enter để chọn điểm. Sau đó nhấn **↑**, **↓**, **←** hoặc **→** để dịch chuyển vị trí điểm đã chọn. Nhấn **↶** để trở về trang trước.
 - **Điểm lưới:** Đặt các điểm lưới của mẫu cong. Các tùy chọn bao gồm: 2x2 (mặc định), 3x3, 5x5, 9x9 và 17x17.
 - **Bên trong sợi dọc:** Bật/tắt điều chỉnh bên trong sợi dọc.
Lưu ý: Bên trong sợi dọc không hỗ trợ điểm lưới 2x2.
 - **Độ sắc nét sợi dọc:** Khi các đường lưới bị biến dạng từ thẳng thành cong, các đường lưới sẽ bị biến dạng và xuất hiện răng cưa. Để tránh tình trạng răng cưa quá rõ ràng, người dùng có thể điều chỉnh độ sắc nét cong để làm mờ hoặc sắc nét đường biên của hình ảnh.
- **Cài đặt kết hợp:** Định cấu hình cài đặt vênh.
 - **Độ rộng cong:** Đặt độ rộng mẫu cong. Phạm vi hoạt động của kích thước chồng như sau:
 - (1) **Bên trái:** 0(0%) / 192(10%) ~ 960(50%)
 - (2) **Bên phải:** 0(0%) / 192(10%) ~ 960(50%)
 - (3) **Phía trên:** 0(0%) / 120(10%) ~ 600(50%)
 - (4) **Phía dưới:** 0(0%) / 120(10%) ~ 600(50%)
 - **Chồng số khung lưới:** Đặt số lưới chồng cong. Các tùy chọn bao gồm: 4 (mặc định), 6, 8, 10 và 12.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- **Pha trộn gamma:** Đặt gamma cong. Các tùy chọn bao gồm: 1.8, 2.0, 2.2 (mặc định), 2.4 và 2.6.
- **Thiết lập lại:** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

Tín hiệu

Chỉnh các tùy chọn tín hiệu.

- **Tự động:** Tự động định cấu hình tín hiệu (các mục Tần số và Pha sẽ chuyển sang màu xám). Nếu tùy chọn Tự động đang tắt, các mục Tần số và Pha sẽ hiển thị để điều chỉnh và lưu lại cài đặt.
- **Tần số:** Thay đổi tần số dữ liệu hiển thị cho phù hợp với tần số của card đồ họa máy tính. Chỉ sử dụng chức năng này khi hình ảnh dường như bị nháy theo chiều dọc.
- **Pha:** Đồng bộ chức năng định giờ tín hiệu của màn hình với card đồ họa. Nếu hình ảnh xuất hiện không ổn định hoặc nhấp nháy, sử dụng chức năng này để điều chỉnh.
- **Vị trí.Ngang:** Chỉnh vị trí nằm ngang của hình chiếu.
- **Vị trí.Dọc:** Chỉnh vị trí nằm dọc của hình chiếu.

Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn khi nguồn tín hiệu đầu vào là RGB/Thành phần.

PIP/PBP

Hiển thị một hình ảnh từ hai nguồn trong chế độ PIP hoặc chế độ PBP.

Lưu ý: Chức năng PIP/PBP không hỗ trợ 3D

- **Màn hình:** Chuyển đổi giữa việc hiển thị cùng lúc hai nguồn (Hình ảnh chính và PIP/PBP) hoặc chỉ một nguồn.
 - **Không:** Chỉ hiển thị hình ảnh từ nguồn chính.
 - **PIP:** Hiển thị hình ảnh từ hai nguồn bằng cách chia đôi màn hình. Một nguồn hiển thị bên trái màn hình và nguồn còn lại hiển thị bên phải màn hình.
 - **PBP:** Hiển thị hình ảnh từ hai nguồn bằng cách chia màn hình thành hai phần. Một nguồn hiển thị trên màn hình chính và nguồn còn lại hiển thị trong một cửa sổ lồng.
- **Vị trí PIP:** Đặt vị trí PIP từ góc trên bên trái, góc trên bên phải, góc dưới bên trái và góc dưới bên phải.
- **Vị trí PBP:** Đặt vị trí PBP từ trái chính, trên chính, phải chính và dưới chính.
- **Kích cỡ:** Đặt kích cỡ nguồn phát phụ PIP từ Lớn, Trung bình, và Nhỏ.
- **Nguồn chính:** Chọn đầu vào hoạt động để sử dụng làm hình phát chính. Các đầu vào có sẵn gồm HDMI 1, HDMI 2, VGA, HDBaseT, USB và Màn hình chính.
- **Nguồn phát phụ:** Chọn đầu vào hoạt động để sử dụng làm hình phát phụ. Các đầu vào có sẵn gồm HDMI 1, HDMI 2, VGA, HDBaseT, USB và Màn hình chính.
- **Đổi:** Thay đổi vị trí của PIP/PBP, và đổi PIP/PBP thành hình phát chính. Chức năng đổi chỉ khả dụng khi bật PIP/PBP.

Lưu ý:

A) Sau đây là bảng mô tả tương thích PIP/PBP:

PIP/PBP		Chính						
		VGA	HDMI 2	HDMI 1		HDBaseT	USB	
v1.4	v1.4			v2.0				
Phụ	VGA	-	-	-	-	-	-	
	HDMI 2	v1.4	v	-	v	v	v	
	HDMI 1	v1.4	v	v	-	-	v	v
		v2.0	-	-	-	-	-	-
	HDBaseT	v	v	v	v	-	v	
USB	-	-	-	-	-	-		

1. Những đường sọc nhấp nháy có thể xuất hiện nếu băng thông của cả hai đầu vào quá cao, vui lòng giảm độ phân giải.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

2. Lỗi rách khung hình có thể xảy ra do khác biệt về tốc độ khung hình giữa hình phát Chính và Phụ, vui lòng tinh chỉnh để tốc độ khung hình của mỗi đầu vào khớp nhau.
- B) Sau đây là bảng mô tả kích cỡ và bố cục PIP/PBP:
- P: biểu thị khu vực nguồn chính (màu nhạt hơn).

Bố cục PIP/PBP	Kích cỡ PIP/PBP		
	Nhỏ	Trung bình	Lớn
PIP, Trái trên			
PIP, Phải trên			
PIP, Trái dưới			
PIP, Phải dưới			
PIP, Trái chính			
PBP, Trên chính			
PIP, Phải chính			
PBP, Dưới chính			

Tùy chỉnh Menu

Cài vị trí menu trên màn hình và định cấu hình cài đặt Menu timer (Hẹn giờ menu).

- **Vị trí thực đơn:** Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.
- **Menu Timer:** Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Lưu ý: Khi bật chức năng PIP hay PBP, Vị trí menu sẽ không khả dụng.

Menu 3D

Lưu ý:

- Máy chiếu này có cài đặt sẵn 3D.
- Vui lòng bảo đảm sử dụng kính 3D sử dụng cho DLP-Link 3D hay VESA 3D.
- Máy chiếu này hỗ trợ 3D khung tuần tự thông qua cổng HDMI1 và HDMI2.
- Độ phân giải tối đa là 1080P (độ phân giải 4K 3D không hỗ trợ).

Chế độ 3D

Dùng tùy chọn này để bật hoặc tắt chức năng 3D.

- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt chế độ 3D.
- **Bật:** Chọn “Bật” để bật chế độ 3D.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lưu ý:

- Khi bật chức năng PIP hay PBP, Chế độ 3D sẽ không khả dụng.
- Khi nguồn đầu vào chuyển sang Màn hình chính, Chế độ 3D sẽ không khả dụng.

Kỹ thuật 3D

Cài thông số công nghệ 3D sang "DLP-Link" hoặc "3D Sync".

Định dạng 3D

Dùng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Tự động:** Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- **SBS:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Bên cạnh".
- **Trên và dưới:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Trên và dưới".
- **Khung tuần tự:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Khung tuần tự". Cách mã hóa Khung tuần tự thường dùng cho nội dung máy tính.
- **Đóng gói khung:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Đóng gói khung". Cách mã hóa Đóng gói khung chủ yếu được dùng với đầu phát Blu-ray 1080p.

Lưu ý:

- Khi bật chức năng PIP hay PBP, Định dạng 3D sẽ không khả dụng.
- Khi tắt chức năng chế độ 3D, Định dạng 3D sẽ không khả dụng.
- Khi nguồn đầu vào chuyển sang Màn hình chính, Định dạng 3D sẽ không khả dụng.

Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chuyển đổi đồng bộ 3D.

Đồng bộ hóa 3D Ra

Truyền tín hiệu đồng bộ hóa 3D của đầu ra đồng bộ hóa 3D tới bộ phát hoặc tới máy chiếu tiếp theo để pha trộn 3D.

Ưu tiên L/R

Nguồn của ưu tiên bên trái hoặc bên phải.

- **GPIO hiện trường:** Chọn GPIO hiện trường để đặt cùng tín hiệu ra 3D đầu tiên cho ứng dụng đa máy chiếu.
- **Khung hình thứ 1:** Chức năng dùng cho máy chiếu 3D đơn.

Độ trễ khung hình 3D

Hiển thị hình ảnh không đồng bộ chính xác khi đang pha trộn 3D.

Thiết lập lại

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho Cài đặt 3D.

Lưu ý:

- Khi bật chức năng PIP hay PBP, chức năng Cài lại sẽ không khả dụng.
- Khi tắt chức năng chế độ 3D, chức năng Cài lại sẽ không khả dụng.
- Khi nguồn đầu vào chuyển sang Màn hình chính, chức năng Cài lại sẽ không khả dụng.

Menu Âm thanh

Tắt âm

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Bật:** Chọn "Bật" để mở tiếng.
- **Tắt:** Chọn "Tắt" để tắt tiếng.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Âm lượng

Chỉnh mức âm lượng.

Menu Thiết lập

Chế độ chiếu

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

Loại màn chiếu

Chọn loại màn hình bao gồm tự động, 4:3, 16:9 và 16:10.

Cài đặt tắt lọc

Định cấu hình cài đặt tắt lọc.

Lưu ý: Chỉ có máy ở Trung Quốc mới trang bị nắp tắt lọc.

- **Số giờ sử dụng tắt lọc:** Hiển thị giờ bộ lọc.
- **Đã lắp đặt tắt lọc tùy chọn:** Thiết lập cài đặt tin cảnh báo.
 - **Có:** Hiển thị thông tin cảnh báo sau 500 giờ sử dụng.
 - Lưu ý:** “Số giờ sử dụng tắt lọc / Báo nhắc tắt lọc / Cài lại tắt lọc” sẽ chỉ hiển thị khi “Đã lắp đặt tắt lọc tùy chọn” là “Có”.
 - **Không:** Tắt thông tin cảnh báo.
- **Báo nhắc tắt lọc:** Chọn chức năng này để hiển thị hoặc ẩn thông báo cảnh báo khi thông báo thay tắt lọc được hiển thị. Các tùy chọn có sẵn gồm Tắt, 300 giờ, 500 giờ, 800 giờ và 1000 giờ.
- **Cài lại tắt lọc:** Cài lại bộ đếm giờ bộ lọc bụi sau khi thay thế hoặc vệ sinh bộ lọc bụi.

Cài đặt ống kính

Thiết lập cài đặt liên quan đến chức năng ống kính.

- **Thu phóng:** Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu.
- **Lấy nét:** Nhấn nút "Trái" hoặc "Phải" để lấy nét hình chiếu.
 - Lưu ý:**
 - Chức năng Thu phóng và Lấy nét chỉ hỗ trợ những mẫu máy ống kính 1.25x/ống kính Độ lệch tâm ngắn.
 - Khi chức năng ống kính chuyển sang Khóa, Thu phóng và Lấy nét sẽ không khả dụng.
- **Chức năng ống kính:** Ngăn không cho tất cả động cơ ống kính dịch chuyển.
- **Dịch chuyển ống kính:** Dịch chuyển ống kính lên và xuống, hoặc sang trái và phải.
- **Hiệu chỉnh ống kính:** Hiệu chỉnh để dịch chuyển ống kính về tâm.
- **Bộ nhớ thấu kính:** Lưu lại vị trí ống kính hiện tại sau khi dịch chuyển ống kính. Áp dụng vị trí ống kính cho bộ nhớ ống kính đã chọn. Bộ nhớ ống kính có thể lưu tối đa năm vị trí.
 - Lưu ý:**
 - Hiệu chỉnh ống kính phải hoàn thành trước quá trình nhớ ống kính.
 - Khi chức năng ống kính chuyển thành Khóa, Dịch chuyển ống kính, Hiệu chỉnh ống kính và Nhớ ống kính sẽ không khả dụng.

Mẫu thử

Chọn mẫu kiểm tra từ Khung lưới xanh, Khung lưới đỏ thẫm, Khung lưới trắng, Trắng hoặc tắt chức năng này (Tắt).

Điều chỉnh tốc độ quạt

Khi chọn “Bật”, các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Khoá chế độ hiển thị

Chọn “Tắt” hoặc “Bật” để khoá hoặc mở khoá chỉnh cài đặt chế độ hiển thị.

Khoá bàn phím

Khi chức năng khoá bàn phím là “Bật”, bàn phím sẽ bị khoá. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.

Menu thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

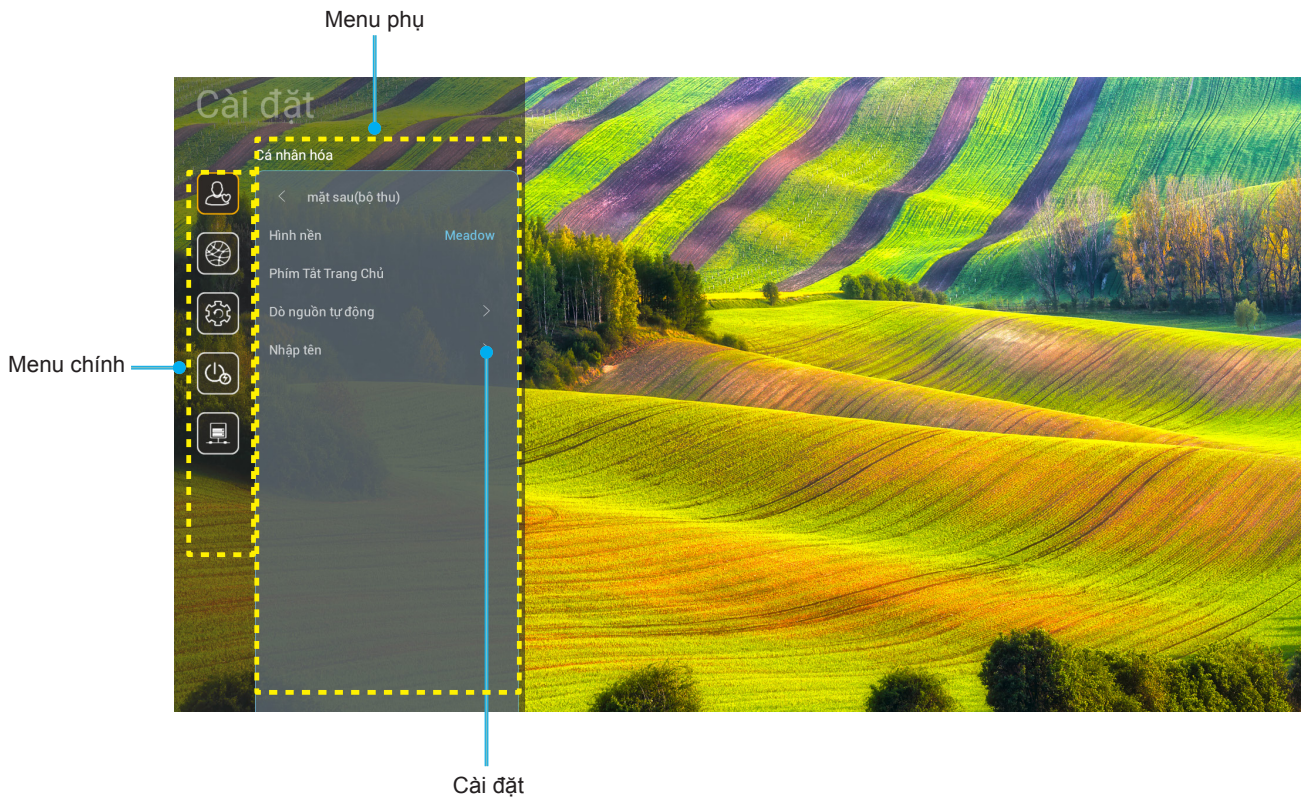
- HIỂN THỊ
- Phần cứng
- Nguồn tín hiệu vào
- Mạng
- Về
- Điều khiển

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt hệ thống

Trên màn hình chính, chọn menu cài đặt hệ thống “” để định cấu hình nhiều cài đặt hệ thống khác nhau.

Điều hướng menu chung



1. Khi menu cài đặt hệ thống hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút “**OK**” hoặc “**Phải**” trên điều khiển từ xa để vào menu phụ.
2. Nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn “**OK**” để mở menu phục liên quan.
3. Nhấn nút “**Trên**” và “**Dưới**” để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút “**OK**” hoặc “**Phải**” để truy cập cài đặt mục menu phụ vừa chọn.
5. Nhấn nút “**Trên**”, “**Dưới**”, “**Trái**” hoặc “**Phải**” để chọn cài đặt hoặc nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chỉnh giá trị đó (nếu cần).
6. Nhấn “**OK**” để xác nhận cài đặt.
7. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
8. Để thoát, nhấn “**←**” (nhiều lần nếu cần). Menu cài đặt sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu cài đặt hệ thống

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Cá nhân hóa	Hình nền			(Lựa chọn hình nền)	
	Phím Tắt Trang Chủ	Phím tắt 1:TapCastPro			Ứng dụng/Nguồn vào
		Phím tắt 2:LocalMM			Ứng dụng/Nguồn vào
		Phím tắt 3			Ứng dụng/Nguồn vào
		Phím tắt 4			Ứng dụng/Nguồn vào
		Phím tắt 5			Ứng dụng/Nguồn vào
		Phím tắt 6			Ứng dụng/Nguồn vào
	Dò nguồn tự động	Dò nguồn tự động			Tắt [Chế độ mặc định]
					Bật
	Nhập tên		HDMI 1		[Chế độ mặc định]
			HDMI 2		[Chế độ mặc định]
			VGA		[Chế độ mặc định]
			HDBaseT		[Chế độ mặc định]
			USB		[Chế độ mặc định]
			Màn hình chính		[Chế độ mặc định]
Mạng	Ethernet	Trạng thái mạng		Chỉ đọc	
		Địa chỉ IP		Chỉ đọc	
		Địa chỉ MAC		Chỉ đọc	
		Cài đặt proxy	Không		
			Thủ công		Tên máy chủ proxy Cổng proxy Bỏ qua tên miền proxy
		Cài đặt IP	DHCP		Tắt Bật
					Địa chỉ IP Gateway Độ dài tiền tố mạng DNS 1 DNS 2
			Tĩnh		Hủy [Chế độ mặc định]
					Có
	Điều khiển LAN		Trạng thái mạng		Chỉ đọc
		Địa chỉ MAC		Chỉ đọc	
		DHCP		Tắt Bật [Chế độ mặc định]	
			Địa chỉ IP	Chỉnh sửa được	192.168.10.100
		Subnet mask	Chỉnh sửa được	255.255.0.0	
		Gateway	Chỉnh sửa được	192.168.0.254	
DNS		Chỉnh sửa được	168.95.1.1		
Thiết lập lại			Hủy [Chế độ mặc định] Có		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
Hệ thống	Ngôn ngữ			Englisg
				Deutsch
				Français
				Italiano
				Español
				Português
				Polski
				Nederlands
				Svenska
				Norsk
				Dansk
				Suomi
				ελληνικά
				繁體中文
				简体中文
				日本語
				한국어
				Русский
				Magyar
				Čeština
				عربي
				ไทย
				Türkçe
				فارسی
			Tiếng Việt	
			Bahasa Indonesia	
		Română		
	Bàn phím	Bàn phím hiện hành		
		Quản lý bàn phím		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
Hệ thống	Ngày giờ	Ngày		Chỉ đọc
		Giờ		Chỉ đọc
		Chọn múi giờ		
		Giờ mùa hè		Tắt [Chế độ mặc định]
		Dùng định dạng 24 giờ		Bật
	Cập nhật hệ thống	Tự động		Tắt [Chế độ mặc định]
		Cập nhật		Bật
	Bộ nhớ trong			
	Các ứng dụng			TapCast Pro, Trình duyệt, LocalMM
	Pháp lý	Điều khoản và điều kiện sử dụng		
		Chính sách quyền riêng tư		
		Chính sách cookie		
	Thiết lập lại			Hủy [Chế độ mặc định]
				Cài lại mọi cài đặt
				Cài về mặc định
Nguồn	Bật nguồn trực tiếp			Tắt [Chế độ mặc định]
				Bật
	Bật nguồn tín hiệu			Tắt [Chế độ mặc định]
				Bật
	Tắt nguồn tự động (phút)			0~180 (tăng thêm 5 phút) [Mặc định: 20]
	Hẹn giờ chờ (phút)			Tắt ~ 990 (tăng thêm 30 phút) [Chế độ mặc định: Tắt]
		Always On		Bật [Chế độ mặc định]
Chế độ nguồn (Chờ)			Có	
			Hoạt động	
			Eco. [Chế độ mặc định]	
			Truyền tin	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Điều khiển	12V Trigger			Tắt	
				Bật [Chế độ mặc định]	
	Thiết lập điều khiển	Chức năng IR			Tắt
					Bật [Chế độ mặc định]
		Mã điều khiển			00 ~ 99
			F1		
					Độ tương phản
					Tinh chỉnh màu
					Mức độ màu
					Gamma [Chế độ mặc định]
					Trình chiếu
					Dịch chuyển ống kính
					Độ sáng
		F2			Độ tương phản [Chế độ mặc định]
					Tinh chỉnh màu
					Mức độ màu
					Gamma
					Trình chiếu
					Dịch chuyển ống kính
		F3			Độ sáng [Chế độ mặc định]
					Độ tương phản
				Tinh chỉnh màu	
				Mức độ màu	
				Gamma	
				Trình chiếu	
			Dịch chuyển ống kính		
	Mã nhận dạng (ID)				00 ~ 99
Điều khiển HDBaseT	RS232			Tắt [Chế độ mặc định]	
				Bật	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cá nhân hóa menu

Hình nền

Cho phép bạn thay đổi hình nền trên màn hình chính của chương trình khởi chạy.

Lưu ý: Không hỗ trợ chức năng cho thêm hình nền tùy chỉnh.

Phím Tắt Trang Chủ

Xem lại các phím tắt trên màn hình chính của mọi ứng dụng đã mở trong mỗi nguồn tín hiệu vào. Các mục không thể lặp lại ngoại trừ tùy chọn “Tự động” - nghĩa là hệ thống sẽ ghi nhớ tối đa sáu ứng dụng mới nhất đã được mở và sau đó sẽ thay thế các phím tắt ứng dụng để ứng dụng mới nhất sẽ nằm trên đầu danh sách trong khi các ứng dụng khác trong danh sách được dịch chuyển theo một vị trí.

Dò nguồn tự động

Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.

Nhập tên

Dùng để đổi tên chức năng đầu vào để nhận dạng dễ dàng hơn. Các tùy chọn có sẵn gồm HDMI 1, HDMI 2, VGA, HDBaseT, USB và Màn hình chính.

Menu mạng

Ethernet

Định cấu hình cài đặt mạng.

Lưu ý:

- *Đảm bảo bạn đã kết nối máy chiếu với mạng cục bộ (LAN).*
- *Khi sử dụng các chức năng Tapcast Pro, Trình duyệt, Cập nhật hệ thống (FOTA) và Ngày giờ, hãy đảm bảo bạn đã kết nối với Ethernet.*
- **Trạng thái mạng:** Hiển thị tình trạng kết nối mạng (chỉ đọc).
- **Địa chỉ IP:** Hiển thị địa chỉ IP (chỉ đọc).
- **Địa chỉ MAC:** Hiển thị địa chỉ MAC (chỉ đọc).
- **Cài đặt proxy:** Cung cấp thông tin tên máy chủ proxy, cổng kết nối và tên miền proxy nhánh theo cách thủ công nếu được yêu cầu.
- **Cài đặt IP:** Bật DHCP nếu bạn muốn máy chiếu tự động nhận địa chỉ IP và các thông số kết nối khác từ mạng. Tắt DHCP nếu bạn muốn gán địa chỉ IP, cổng, độ dài mã đầu mạng và các thông số DNS theo cách thủ công.
- **Thiết lập lại:** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt mạng.

Điều khiển LAN

Thiết lập cài đặt mạng cục bộ (LAN).

Lưu ý: Trước khi sử dụng ProService Local, Crestron, Extron, PJLink, Tenlet và Quản lý web, hãy bảo đảm là bạn đã kết nối LAN và dùng Trình duyệt web để đặt Mật khẩu.

- **Trạng thái mạng:** Hiển thị tình trạng kết nối mạng (chỉ đọc).
- **Địa chỉ MAC:** Hiển thị địa chỉ MAC (chỉ đọc).
- **DHCP:** Dùng tùy chọn này để bật và tắt chức năng DHCP.
 - **Tắt:** Để tự gán địa chỉ IP, subnet mask (mặc nạ mạng phụ), gateway (cổng vào) và cấu hình DNS.
 - **Bật:** Máy chiếu sẽ nhận địa chỉ IP tự động từ mạng của bạn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lưu ý: Thoát menu OSD sẽ tự động áp dụng các giá trị đã nhập.

- **Địa chỉ IP:** Hiển thị địa chỉ IP.
- **Subnet mask:** Hiển thị số subnet mask (mặt nạ mạng phụ).
- **Gateway:** Hiển thị gateway (cổng nối) mặc định của mạng đã kết nối với máy chiếu.
- **DNS:** Hiển thị số DNS.
- **Thiết lập lại:** Cài lại mọi giá trị cho thông số LAN.

Menu hệ thống

Ngôn ngữ

Chọn ngôn ngữ hệ thống ưa thích của bạn bao gồm tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Hà Lan, tiếng Thụy Điển, tiếng Phần Lan, tiếng Hy Lạp, tiếng Đan Mạch, tiếng Na Uy, tiếng Ba Lan, tiếng Nga, tiếng Trung phần thể, tiếng Trung giản thể, tiếng Hàn, tiếng Ả Rập, tiếng Nhật, tiếng Thái, tiếng Hungari, tiếng Séc, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Ba Tư, tiếng Việt, tiếng Indonesia và tiếng Rumani.

Bàn phím

Chọn ngôn ngữ bàn phím.

Ngày giờ

Thiết lập cài đặt ngày và thời gian.

- **Ngày:** Hiển thị ngày (chỉ đọc).
- **Giờ:** Hiển thị thời gian (chỉ đọc).
- **Chọn múi giờ:** Chọn múi giờ tại địa điểm của bạn.
- **Giờ mùa hè:** Cài đặt giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày.
- **Dùng định dạng 24 giờ:** Cài sang “Bật” để hiển thị thời gian theo định dạng 24 giờ. Cài sang “Tắt” để hiển thị thời gian theo định dạng 12 giờ (Sáng/Tối).

Cập nhật hệ thống

Hệ thống sẽ tự động dò tìm các bản cập nhật mỗi khi máy chiếu được kết nối với Internet (OTA).

Bộ nhớ trong

Xem hoạt động sử dụng bộ nhớ trong.

Các ứng dụng

Thiết lập các ứng dụng. Các tùy chọn bao gồm: TapCast Pro, Trình duyệt và LocalMM.

Lưu ý: Không hỗ trợ chức năng người dùng cài thêm ứng dụng vào máy chiếu.

Pháp lý

Hãy xem lại các tài liệu pháp lý bao gồm “Điều khoản và điều kiện sử dụng”, “Chính sách quyền riêng tư” và “Chính sách cookie”.

Lưu ý: Bạn cũng có thể xem lại các tài liệu pháp lý qua mạng. Hãy tham khảo các địa chỉ web sau:

- **Điều khoản và điều kiện sử dụng:** <https://www.optoma.com/terms-conditions/>
- **Chính sách quyền riêng tư:** <https://www.optoma.com/cookies-policy/>
- **Chính sách cookie:** <https://www.optoma.com/software-privacy-policy/>

Thiết lập lại

Thiết lập lại mọi cài đặt bao gồm dữ liệu (“Cài lại mọi cài đặt”) hoặc chỉ thiết lập lại các cài đặt về mặc định gốc (“Cài về mặc định”). Chọn “Hủy” để thoát menu và giữ lại cấu hình hiện tại.

Lưu ý: Sau khi bạn chọn “Cài về mặc định”, máy chiếu sẽ tự động tắt. Để bắt đầu quy trình phục hồi, hãy bật máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Nguồn điện

Bật nguồn trực tiếp

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi nguồn điện AC được cấp, mà không cần nhấn nút “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Bật nguồn tín hiệu

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Tắt nguồn tự động (phút)

Cài thời lượng cho đồng hồ đếm ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Hẹn giờ chờ (phút)

Cài thời lượng cho đồng hồ đếm ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Chế độ nguồn (Chờ)

Định cấu hình cài đặt chế độ nguồn ở chế độ chờ.

- **Hoạt động:** Chọn “Hoạt động” để trở về chế độ chờ bình thường.
- **Eco.:** Chọn “Eco.” để tiết kiệm thêm mức phân tán điện < 0,5W.
- **Truyền tin:** Bạn có thể điều khiển máy chiếu thông qua đầu cuối mạng LAN trong lúc đang chờ nguồn.

Lưu ý: Ba cài đặt chế độ nguồn này có những điểm khác biệt như sau:

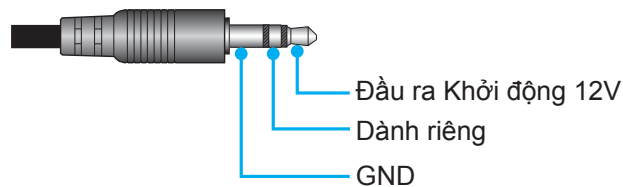
Chế độ chờ	Hoạt động	Eco.	Truyền tin
Trạng thái nguồn RS232	O	O	O
Thông tin/Đèn/Giờ RS232	O	O	O
Nguồn BẬT (Lệnh)			
Bàn phím BẬT	O	O	O
IR BẬT	O	O	O
RS232 BẬT	O	O	O
LAN (Trình duyệt)	O	X	O
HDBaseT (RS232 BẬT)	X	X	O
Nguồn tín hiệu BẬT (Tín hiệu video)			
HDBaseT	X	X	X
HDMI 1/2	O	O	O
VGA	O	O	O
Khác	X	X	X
LAN/Ethernet BẬT	O	X	O
HDMI ra (Vòng lặp)	X	X	X
HDMI AMP (Vòng lặp không có máy chiếu BẬT)	X	X	X
Âm thanh ra (Vòng lặp)	X	X	X
Máy chiếu có thể cung cấp thông tin EDID cho ổ đĩa gắn ngoài.	X	X	X
Bật nguồn trực tiếp	O	O	O

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Điều khiển

12V Trigger

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt bộ khởi động.



- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt bộ khởi động.
- **Bật:** Chọn “Bật” để bật trigger (bộ khởi động).

Thiết lập điều khiển

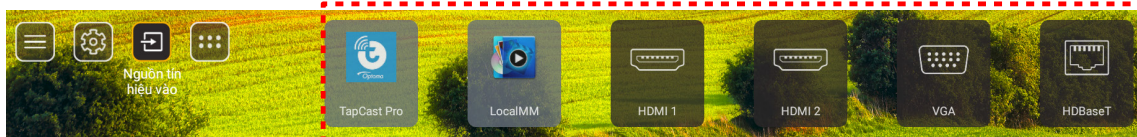
- **Chức năng IR:** Thiết lập cài đặt chức năng IR.
 - **Tắt:** Nếu chọn “Tắt”, bạn không thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng bàn phím.
 - **Bật:** Khi chọn “Bật”, máy chiếu có thể được khởi động bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở mặt trên và mặt trước.
- **Mã điều khiển:** Đặt mã điều khiển từ xa tùy chỉnh bằng cách giữ nút ID điều khiển từ xa trong 3 giây và bạn sẽ thấy đèn báo điều khiển từ xa (phía trên nút Tắt) bắt đầu nhấp nháy. Sau đó, hãy nhập một số từ 00-99 bằng các phím số trên bàn phím. Sau khi nhập số, đèn báo điều khiển từ xa sẽ nhấp nháy nhanh 2 lần, cho biết bạn đã thay đổi mã điều khiển từ xa.
- **F1/F2/F3:** Gán chức năng mặc định cho F1, F2, hoặc F3, chọn giữa Độ sáng (mặc định F3), Độ tương phản (mặc định F2), Tinh chỉnh màu, Mức độ màu, Gamma (mặc định F1), Trình chiếu hoặc Dịch chuyển ống kính.
- **Mã nhận dạng (ID):** Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.
- **Điều khiển HDBaseT:** Chọn “Bật” để đặt đường dẫn cổng nối tiếp thành RS232.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

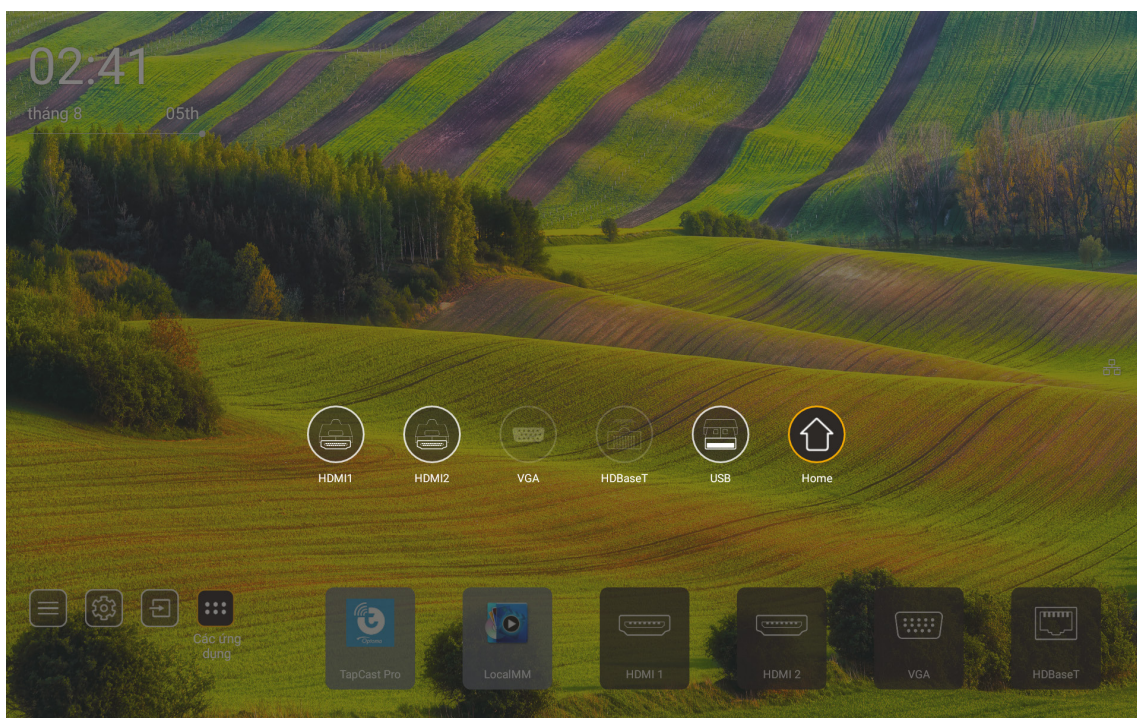
Chọn nguồn tín hiệu đầu vào

Bạn có thể chọn bất kỳ nguồn đầu vào nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt đầu vào.

Lưu ý: Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Hệ thống Menu cài đặt” (⚙️) → Cá nhân hóa → Phím Tắt Trang Chủ”. Bạn cũng có thể sửa đổi trình tự phím tắt trên màn hình chính.



Nếu nguồn đầu vào mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “☰” để xem mọi tùy nhận đầu vào. Sau đó chọn nguồn tín hiệu vào hoặc chọn “Màn hình chính” để quay lại màn hình chính.



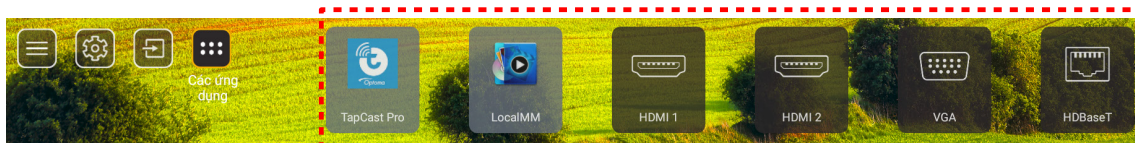
Lưu ý: Máy chiếu có thể được thiết lập để đưa ra thông báo xác nhận chuyển đổi đầu vào khi nguồn đầu vào được phát hiện và chuyển sang nguồn đầu vào vừa phát hiện theo cách tự động hoặc thủ công. Tham khảo trang 52. Phím tắt dùng để thoát điều khiển bàn phím. Nhấn nút này để xem tất cả nguồn tín hiệu vào khi nguồn tín hiệu vào không có sơ đồ menu OSD.


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

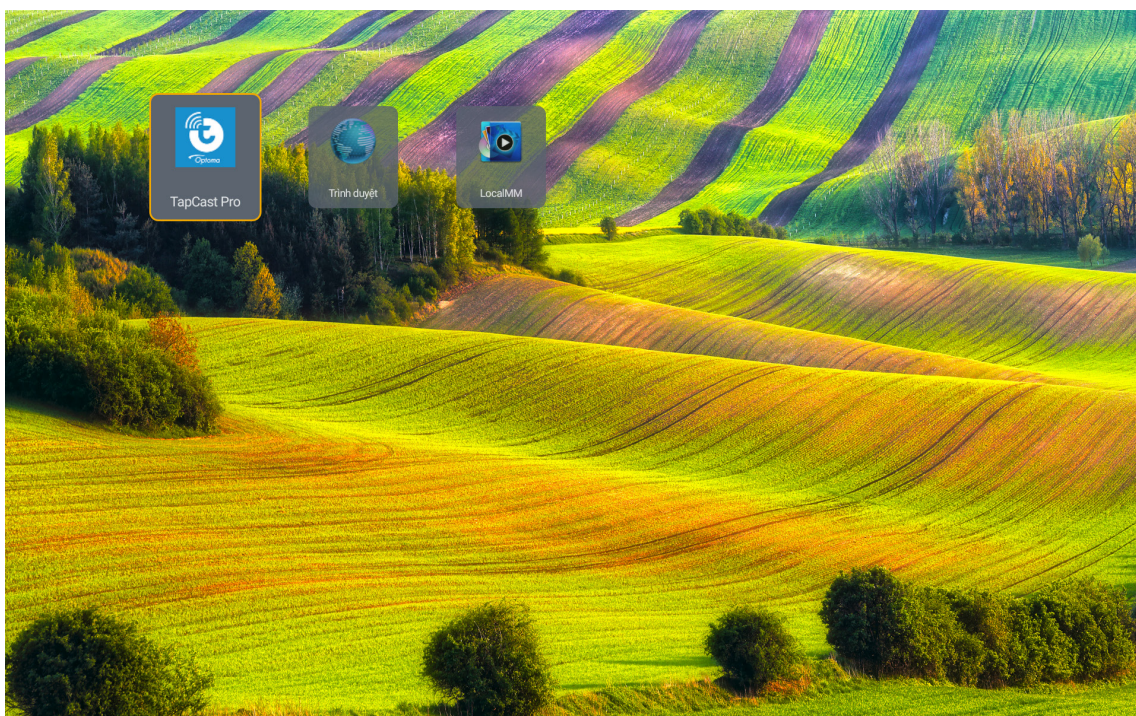
Chọn ứng dụng

Bạn có thể chọn bất kỳ ứng dụng nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt ứng dụng.

Lưu ý: Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Hệ thống Menu cài đặt → Cá nhân hóa → Phím Tắt Trang Chủ”.



Nếu ứng dụng mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “” để xem mọi ứng dụng đã cài đặt. Sau đó chọn ứng dụng mong muốn.

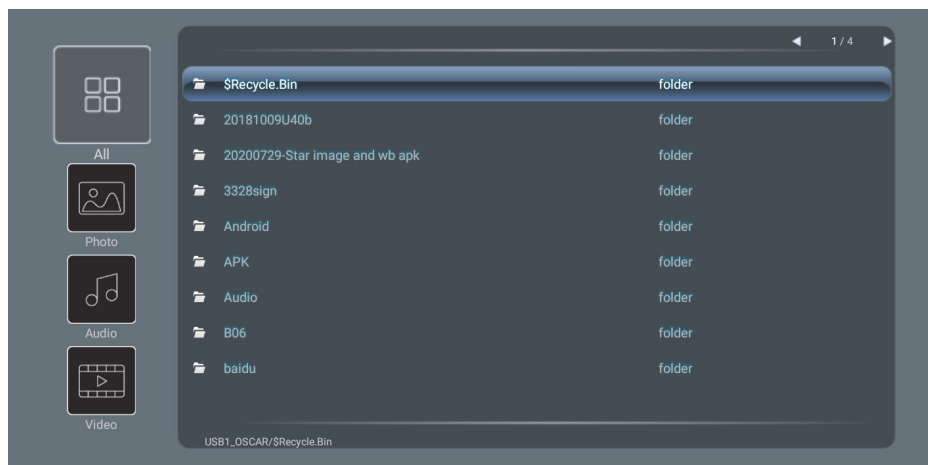


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU




Chế độ đa phương tiện và định dạng đa phương tiện được hỗ trợ

Để phát các tập tin đa phương tiện, hãy cắm thiết bị lưu trữ USB chứa nội dung đa phương tiện với máy chiếu. Sau đó mở trình phát đa phương tiện và chọn các tập tin cần phát.

1. Nhấn nút **"USB"** trên điều khiển từ xa hoặc bạn có thể nhấn nút **"Nguồn"** để hiển thị menu nguồn và chọn biểu tượng USB để truy cập.
2. Nhấn nút **"Nhà"** để quay lại menu đa phương tiện chính.
3. Nhấn nút **↑, ↓, ←, →, ↻** và Enter để chọn/thực hiện chức năng này.'



Phân loại:

Mục	Mô tả
	Tất cả Hiển thị tất cả tập tin lưu trong thiết bị USB
	Photo Chỉ hiển thị những tập tin ảnh lưu trong thiết bị USB
	Âm thanh Chỉ hiển thị những tập tin âm thanh lưu trong thiết bị USB
	Video Chỉ hiển thị những tập tin video lưu trong thiết bị USB

Lưu ý: Chế độ đa phương tiện không áp dụng đối với nguồn tín hiệu vào VGA và HDMI.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Phát lại ảnh:



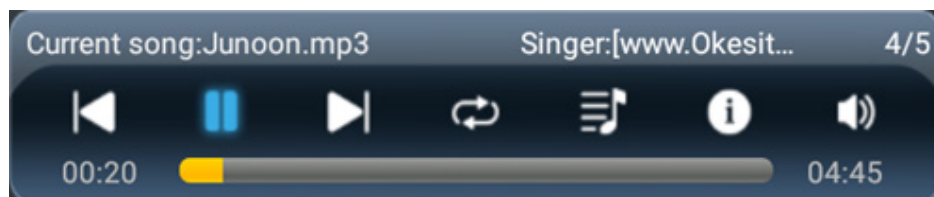
Mục	Mô tả
	mặt sau (bộ thu) Chuyển đến tập tin trước trong danh sách phát lại.
	Phát Bắt đầu hoặc bật lại phát lại. Biểu tượng sẽ chuyển thành biểu tượng  khi đã kích hoạt.
	Tạm dừng Tạm dừng phát lại. Biểu tượng sẽ chuyển thành biểu tượng  khi đã kích hoạt.
	Tua Chuyển đến tập tin tiếp theo.
	Phóng to Phóng to ảnh.
	Thu nhỏ Thu nhỏ ảnh.
	Xoay trái Xoay ảnh 90 độ ngược chiều kim đồng hồ.
	Xoay phải Xoay ảnh 90 độ theo chiều kim đồng hồ.
	Thông tin Mở thông tin về ảnh của tập tin hiện tại.

Danh sách hỗ trợ ảnh:

Loại hình ảnh (tên mở rộng)	Loại phụ	Điểm ảnh tối đa
JPEG	Cơ bản	8000 x 8000
	Tăng dần	6000 x 4000
BMP		6000 x 4000

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Phát lại âm thanh:



Mục		Mô tả
	mặt sau (bộ thu)	Chuyển đến tập tin trước trong danh sách phát lại.
	Phát	Bắt đầu hoặc bật lại phát lại. Biểu tượng sẽ chuyển thành biểu tượng  khi đã kích hoạt.
	Tạm dừng	Tạm dừng phát lại. Biểu tượng sẽ chuyển thành biểu tượng  khi đã kích hoạt.
	Tua	Chuyển đến tập tin tiếp theo.
	Chu kỳ	Chuyển đổi giữa chế độ chu kỳ phát lại: Lặp lại tất cả/Lặp lại một lần/Ngẫu nhiên
	Danh sách phát.	Mở danh sách phát. <ul style="list-style-type: none">Nhấn nút  /  để chọn một tập tin trong danh sách phát, và nhấn phím “Enter” để thực hiện.Nhấn nút  để thoát khỏi danh sách phát.
	Thông tin	Mở thông tin về âm thanh của tập tin hiện tại.
	Âm lượng	Mở thanh âm lượng để điều chỉnh âm lượng phát lại đầu ra.
	Thanh âm lượng	Nhấn nút  /  để tăng/giảm mức âm lượng.

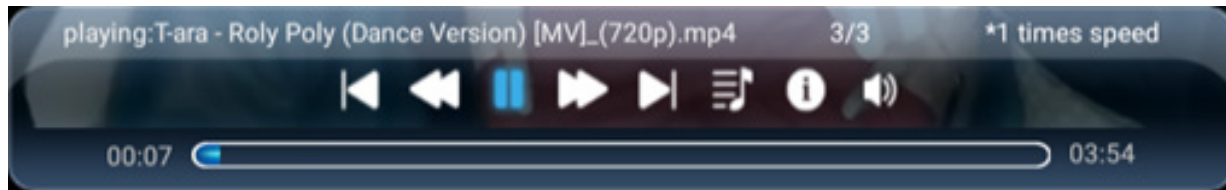
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU


















Danh sách hỗ trợ âm thanh:

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ
Âm thanh	MPEG1/2 Lớp 1	MP3 (.mp3)
		AVI (.avi)
		MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
		Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	MPEG1/2 Lớp 2	MP3 (.mp3)
		AVI (.avi)
		Matroska (.mkv, .mka)
		MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
		Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	MPEG1/2/2.5 Lớp 3	MP3 (.mp3)
		Matroska (.mkv, .mka)
		MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
		Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	AAC, HEAAC	AAC (.aac)
		MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
		Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	LPCM	WAV (.wav)
		AVI (.avi)
		Matroska (.mkv, .mka)
		MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
		Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
IMA-ADPCM MS-ADPCM	WAV (.wav)	
	AVI (.avi)	
	Matroska (.mkv, .mka)	
	MP4 (.mp4, .mov, .m4a)	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Phát lại video:



Mục	Mô tả
	mặt sau (bộ thu) Chuyển đến tập tin trước trong danh sách phát lại.
	Tua ngược nhanh Tua ngược nhanh với tốc độ phát lại ở mức 1x/2x/4x/8x/16x/32x.
	Phát Bắt đầu hoặc bật lại phát lại. Biểu tượng sẽ chuyển thành biểu tượng  khi đã kích hoạt.
	Tạm dừng Tạm dừng phát lại. Biểu tượng sẽ chuyển thành biểu tượng  khi đã kích hoạt.
	Tua nhanh Tua nhanh với tốc độ phát lại ở mức 1x/2x/4x/8x/16x/32x.
	Tua Chuyển đến tập tin tiếp theo.
	Danh sách phát. Mở danh sách phát. <ul style="list-style-type: none">Nhấn nút  /  để chọn một tập tin trong danh sách phát, và nhấn phím "Enter" để thực hiện.Nhấn nút  để thoát khỏi danh sách phát.
	Thông tin Mở thông tin về âm thanh của tập tin hiện tại.
	Âm lượng Mở thanh âm lượng để điều chỉnh âm lượng phát lại đầu ra.
	Thanh âm lượng Nhấn nút  /  để tăng/giảm mức âm lượng.

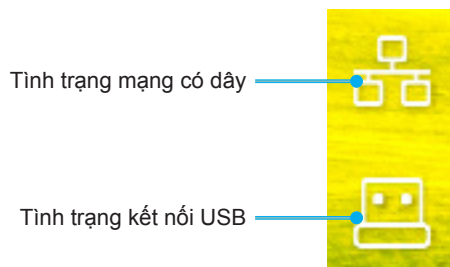
Danh sách hỗ trợ video:

Loại hình ảnh (tên mở rộng)	Loại phụ	Điểm ảnh tối đa
Video	MPEG1/2	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	MPEG4	MP4 (.mp4, .mov)
		AVI (.avi)
	H.264	MP4 (.mp4, .mov)
	VC1	AVI (.avi)
JPEG động	WMV (.wmv)	
		AVI (.avi)

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Xem thanh trạng thái

Theo mặc định, thanh trạng thái ở màn hình chính có những biểu tượng thể hiện trạng thái kết nối theo mạng có dây và USB (nếu thích hợp). Bạn có thể chọn bất kỳ biểu tượng nào để mở menu liên quan. Chọn biểu tượng trạng thái có dây cho phép mở menu cấu hình mạng, trong khi chọn biểu tượng trạng thái USB cho phép mở trình duyệt và hiển thị nội dung của thiết bị USB vừa kết nối.



THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Kỹ thuật số

Thời gian thiết lập	Thời gian chuẩn	Thời gian mô tả	Chế độ video hỗ trợ	Thời gian chi tiết
720 x 400 @ 70Hz	1280 x 800 @ 60Hz 16:10	WU: 1920x1200 @ 60Hz	640 x 480p @ 60Hz 4:3	1280 x 720P @ 60Hz
640 x 480 @ 60Hz	1280 x 960 @ 60Hz 4:3		720 x 480p @ 60Hz 4:3	720 x 480P @60
640 x 480 @ 72Hz	1400 x 1050 @ 60Hz 4:3		720 x 480p @ 60Hz 16:9	1920 x 1080P @ 60Hz
640 x 480 @ 75Hz	1600 x 1200 @ 60Hz 4:3		1280 x 720p @ 60Hz 16:9	720 x 576P @50
800 x 600 @ 56Hz	1440 x 900 @ 60Hz 16:10		1920 x 1080p @ 60Hz 16: 9	
800 x 600 @ 60Hz	1280 x 720 @ 120Hz 16:9		720 x 576p @ 50Hz 4:3	CHỈ DÙNG HDMI 2.0
800 x 600 @ 72Hz	1024 x 768 @ 120Hz 4:3		720 x 576p @ 50Hz 16:9	3840 x 2160P @ 60 Hz
800 x 600 @ 75Hz	1680 x 1050 @ 60Hz 16:10		1280 x 720p @ 50Hz 16:9	
832 x 624 @ 75Hz			1920 x 1080P @ 50Hz 16.9	
1024 x 768 @ 60Hz			1920 x 1080p @ 24Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70Hz			1280 x 720p @ 120Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75Hz				
1280 x 1024 @ 75Hz			CHỈ DÙNG HDMI 2.0	
1152 x 870 @ 75Hz			3840 x 2160p @ 24 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 25 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 30 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 50 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 60 Hz 16:9	
			4096 x 2160p @ 24 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 25 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 30 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 50 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 60 Hz 256:135	

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tương tự

Thời gian thiết lập	Thời gian chuẩn	Thời gian mô tả	Chế độ video hỗ trợ	Thời gian chi tiết
720 x 400 @ 70Hz	1080P/UW:	WU: 1920x1200 @ 60Hz		
640 x 480 @ 60Hz	1280 x 800 @ 60Hz 16:10			
640 x 480 @ 72Hz	1280 x 960 @ 60Hz 4:3			
640 x 480 @ 75Hz	1400 x 1050 @ 60Hz 4:3			
800 x 600 @ 56Hz	1600 x 1200 @ 60Hz 4:3			
800 x 600 @ 60Hz	1440 x 900 @ 60Hz 16:10			
800 x 600 @ 72Hz	1280 x 720 @ 120Hz 16:9			
800 x 600 @ 75Hz	1024 x 768 @ 120Hz 4:3			
832 x 624 @ 75Hz	1680 x 1050 @ 60Hz 16:10			
1024 x 768 @ 60Hz				
1024 x 768 @ 70Hz				
1024 x 768 @ 75Hz				
1280 x 1024 @ 75Hz				
1152 x 870 @ 75Hz				

Lưu ý: Hỗ trợ 1920 x 1080 ở tần số 50Hz.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Kết nối tín hiệu và cài đặt cổng RS232

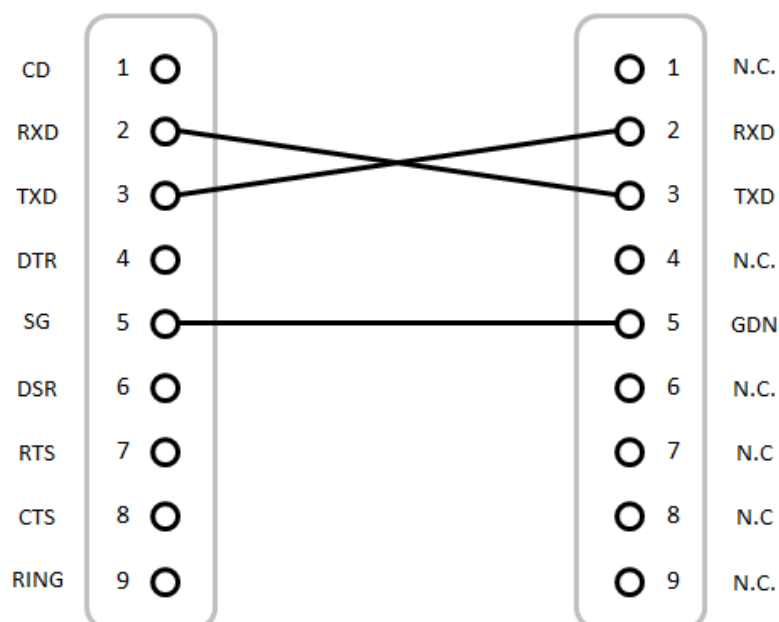
Cài đặt cổng RS232

Mục	Cách
Cách truyền thông	Truyền thông không đồng bộ
Bit mỗi giây	9600
Bit dữ liệu	8 bit
Tính chẵn lẻ	Không
Bit dừng	1
Điều chỉnh dòng	Không

Kết nối tín hiệu RS232

Cổng COM máy tính
(đầu cắm d-sub 9 chân)

Cổng COM máy chiếu
(đầu cắm d-sub 9 chân)

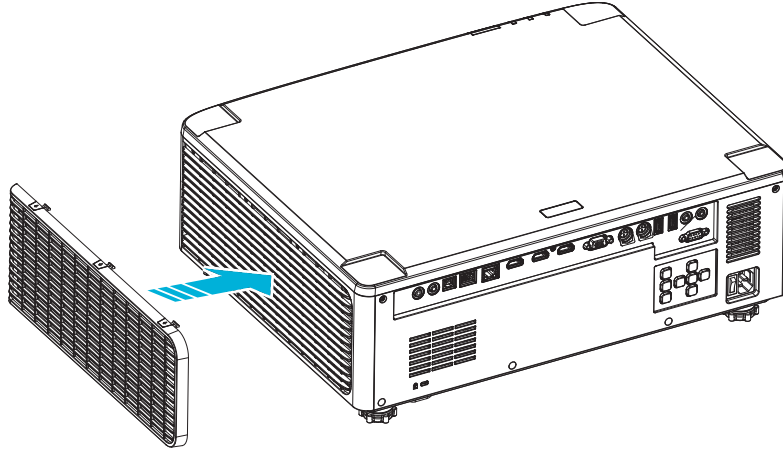


Lưu ý: Vỏ RS232 đã được tiếp đất.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Lắp đặt và vệ sinh tấm lọc bụi

Lắp đặt tấm lọc bụi



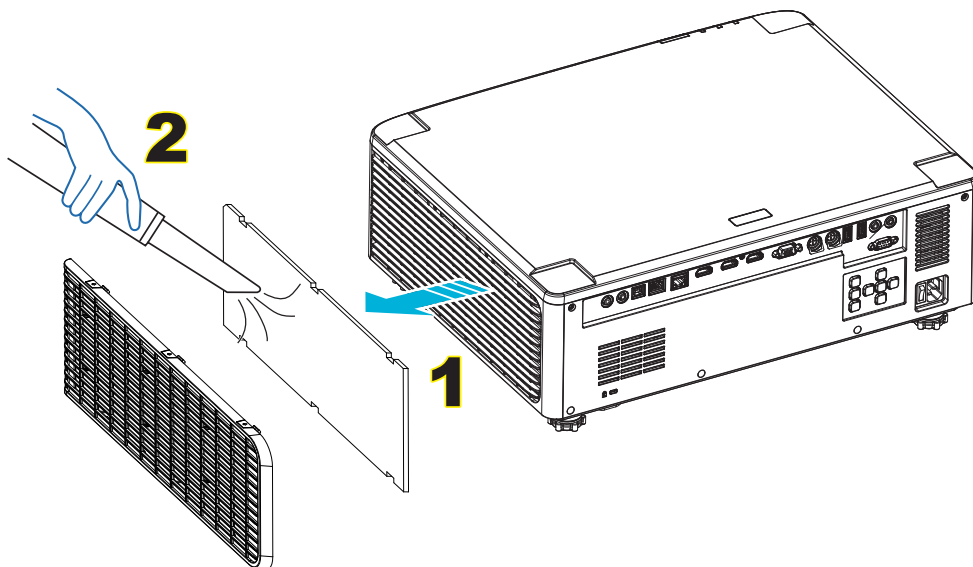
Lưu ý: Các tấm lọc bụi chỉ bắt buộc/được kèm theo máy chiếu ở các khu vực đã chọn có quá nhiều bụi.

Vệ sinh tấm lọc bụi

Chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh tấm lọc bụi ba tháng một lần. Vệ sinh thường xuyên hơn nếu máy chiếu được sử dụng trong môi trường nhiều bụi.

Quy trình

1. Tắt nguồn máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc nút " | " trên điều khiển từ xa.
2. Ngắt dây nguồn.
3. Tháo khoang chứa bộ lọc bụi ở phía bên trái của máy chiếu. **1**
4. Cần thận tháo bộ lọc thông gió. Sau đó vệ sinh hoặc thay tấm lọc bụi mới. **2**
5. Để lắp đặt tấm lọc bụi, thực hiện ngược với các bước trước đó.



THÔNG TIN BỔ SUNG

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Mẫu ống kính 1,8x

Kích cỡ hình chiếu khoảng 40 ~ 300 inch (1,02 ~ 7,62 m)

Cỡ màn hình 16:10 (Rộng X Cao)						Tỷ lệ lệch tâm chuẩn		Khoảng cách của máy chiếu			
Độ dài chéo của hình chiếu		Chiều rộng		Chiều cao				Rộng		Xa	
inch	m	inch	m	inch	m	Rộng	Xa	inch	m	inch	m
40	1,02	33,9	0,86	21,2	0,54	1,36	2,51	46,1	1,17	85,0	2,16
50	1,27	42,4	1,08	26,5	0,67	1,36	2,51	57,9	1,47	106,7	2,71
60	1,52	50,9	1,29	31,8	0,81	1,38	2,52	70,1	1,78	128,3	3,26
70	1,78	59,4	1,51	37,1	0,94	1,38	2,52	81,9	2,08	150,0	3,81
80	2,03	67,8	1,72	42,4	1,08	1,38	2,53	93,7	2,38	171,7	4,36
90	2,29	76,3	1,94	47,7	1,21	1,38	2,53	105,9	2,69	193,3	4,91
100	2,54	84,8	2,15	53,0	1,35	1,39	2,54	117,7	2,99	215,0	5,46
120	3,05	101,8	2,58	63,6	1,62	1,39	2,54	141,7	3,60	258,3	6,56
150	3,81	127,2	3,23	79,5	2,02	1,4	2,54	177,6	4,51	323,2	8,21
180	4,57	152,6	3,88	95,4	2,42	1,4	2,54	213,4	5,42	388,2	9,86
200	5,08	169,6	4,31	106,0	2,69	1,4	2,54	37,0	6,02	431,5	10,96
250	6,35	212,0	5,38	132,5	3,37	1,4	2,55	296,8	7,54	540,2	13,72
300	7,62	254,4	6,46	159,0	4,04	1,4	2,55	356,7	9,06	648,4	16,47

Những mẫu ống kính 1,25x

Kích cỡ hình chiếu khoảng 50 ~ 300 inch (1,27 ~ 7,62 m)

Cỡ màn hình 16:10 (Rộng X Cao)						Tỷ lệ lệch tâm chuẩn		Khoảng cách của máy chiếu			
Độ dài chéo của hình chiếu		Chiều rộng		Chiều cao				Rộng		Xa	
inch	m	inch	m	inch	m	Rộng	Xa	inch	m	inch	m
50	1,27	42,4	1,08	26,5	0,67	1,21	1,52	51,1	1,30	64,4	1,63
60	1,52	50,7	1,29	31,7	0,81	1,21	1,52	61,6	1,57	77,5	1,97
70	1,78	59,4	1,51	37,1	0,94	1,21	1,53	72,1	1,83	90,6	2,30
80	2,03	67,8	1,72	42,4	1,08	1,22	1,53	82,6	2,10	103,7	2,63
90	2,29	76,5	1,94	47,8	1,21	1,22	1,53	93,0	2,36	116,8	3,97
100	2,54	84,8	2,15	53,0	1,35	1,22	1,53	103,5	2,63	129,9	3,30
120	3,05	101,8	2,59	63,6	1,62	1,22	1,53	124,5	3,16	156,1	3,97
150	3,81	127,2	3,23	79,5	2,02	1,23	1,54	155,9	3,96	195,5	4,96
180	4,57	152,6	3,88	95,4	2,42	1,23	1,54	187,3	4,76	234,8	5,96
200	5,08	169,6	4,31	106,0	2,69	1,23	1,54	208,2	5,29	261,0	6,63
250	6,35	212,0	5,38	132,5	3,37	1,23	1,54	260,6	6,62	326,6	8,29
300	7,62	254,4	6,46	159,0	4,04	1,23	1,54	313,0	7,95	386,6	9,96

THÔNG TIN BỔ SUNG

Những mẫu ống kính có độ lệch tâm ngắn

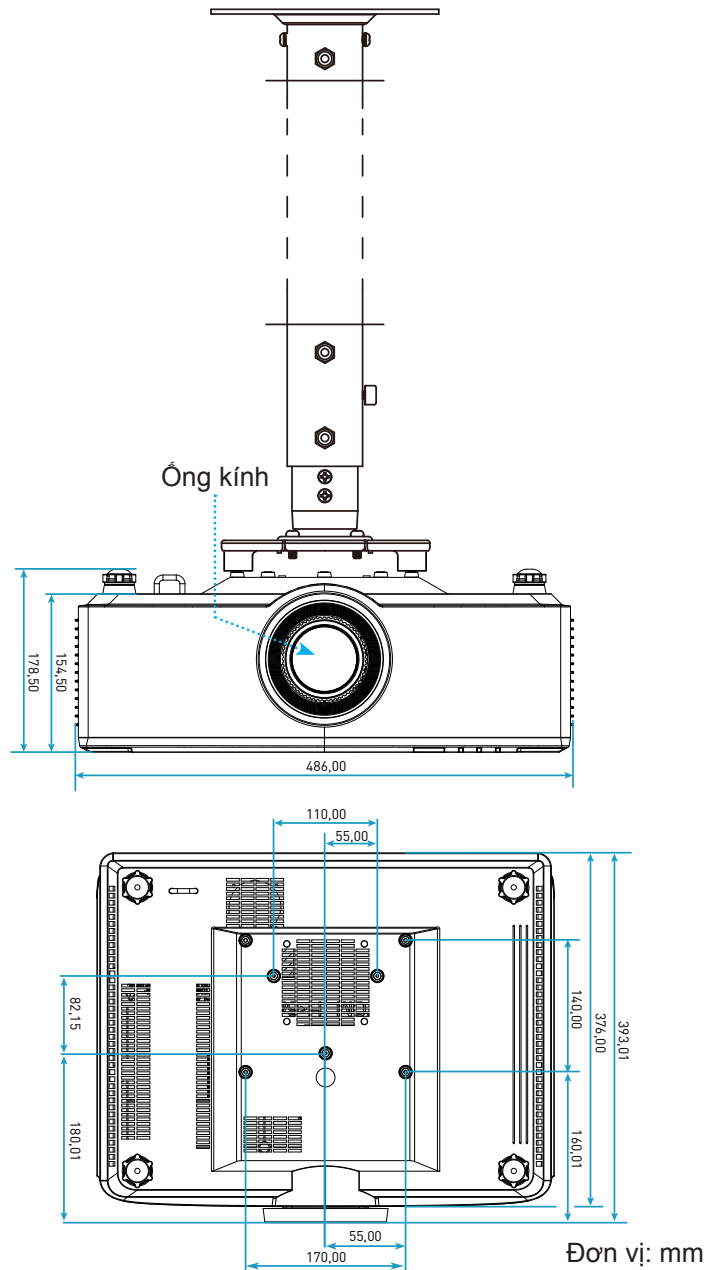
Kích cỡ hình chiếu khoảng 50 ~ 300 inch (1,27 ~ 7,62 m)

Cỡ màn hình 16:10 (Rộng X Cao)						Tỷ lệ lệch tâm chuẩn		Khoảng cách của máy chiếu			
Độ dài chéo của hình chiếu		Chiều rộng		Chiều cao				Rộng		Xa	
inch	m	inch	m	inch	m	Rộng	Xa	inch	m	inch	m
50	1,27	42,4	1,08	26,5	0,67	0,74	0,94	31,2	0,79	39,9	1,01
60	1,52	50,7	1,29	31,7	0,81	0,74	0,95	37,7	0,96	48,1	1,22
70	1,78	59,4	1,51	37,1	0,94	0,74	0,95	44,1	1,12	56,3	1,43
80	2,03	67,8	1,72	42,4	1,08	0,75	0,95	50,6	1,28	64,5	1,64
90	2,29	76,5	1,94	47,8	1,21	0,75	0,95	57,0	1,45	72,7	1,85
100	2,54	84,8	2,15	53,0	1,35	0,75	0,95	63,5	1,61	80,8	2,05
120	3,05	101,8	2,59	63,6	1,62	0,75	0,96	76,4	1,94	97,2	2,47
150	3,81	127,2	3,23	79,5	2,02	0,75	0,96	95,8	2,43	121,8	3,09
180	4,57	152,6	3,88	95,4	2,42	0,75	0,96	115,1	2,92	146,4	3,72
200	5,08	169,6	4,31	106,0	2,69	0,75	0,96	128,0	3,25	162,8	4,13
250	6,35	212,0	5,38	132,5	3,37	0,76	0,96	160,3	4,07	203,7	5,17
300	7,62	254,4	6,46	159,0	4,04	0,76	0,96	192,6	4,89	244,7	6,21

THÔNG TIN BỔ SUNG

Lắp đặt giá treo trần nhà

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần từ hãng thứ ba, hãy đảm bảo sử dụng các ốc vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M4*4
 - Chiều dài vít tối thiểu: 10 mm



Lưu ý: Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh

- ?** *Không có hình ảnh trên màn hình*

 - Đảm bảo mọi loại cáp và kết nối nguồn điện đều được cắm đúng cách và chắc chắn như được mô tả ở trang 16.
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.



- ?** *Hình ảnh lệch tiêu điểm*

 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. Tham khảo trang 68.
 - Xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng. Tham khảo trang 21.

- ?** *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*

 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.

- ?** *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn “” trên điều khiển từ xa, vào “menu OSD → HIỂN THỊ → Tỉ lệ khung hình”. Thử dùng các cài đặt khác.
 - Nhấn “” trên điều khiển từ xa, vào “menu OSD → HIỂN THỊ → Hiệu chỉnh hình học → Hiệu chuẩn sọc dọc”. Thử dùng các cài đặt khác.

- ?** *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*

 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.

- ?** *Hình ảnh bị đảo ngược*

 - Chọn “menu OSD → Cài Đặt → Chế độ chiếu” và điều chỉnh hướng chiếu.

- ?** *Không âm thanh*

 - Hãy tham khảo định dạng tập tin âm thanh hỗ trợ ở trang 58.
 - Đảm bảo không bật tính năng “Tắt âm”.

THÔNG TIN BỔ SUNG

- [?]** *Hình ảnh HDMI bất thường*
 - Chọn "OSD menu → HIỂN THỊ → Cài đặt HDMI → EDID → HDMI 1 EDID → 1.4 hoặc 2.0".
- [?]** *Hình ảnh kép, mờ*
 - Đảm bảo "menu OSD → 3D → Kỹ thuật 3D" chưa bật để hình hiện tượng hình 2D bình thường trông như hai hình bị mờ.
- [?]** *Hai hình ảnh, định dạng bên cạnh*
 - Chọn "menu OSD → 3D → "Định dạng 3D" sang "SBS".

Các sự cố khác

- [?]** *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*
 - Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

- [?]** *Nếu điều khiển từ xa không hoạt động*
 - Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có chứa trong phạm vi $\pm 15^\circ$ sang bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
 - Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
 - Cố gắng sử dụng điều khiển từ xa bằng cách chĩa nó vào hình chiếu.
 - Hãy sạc pin nếu pin đã cạn kiệt.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông báo sáng đèn LED

Trạng thái	Đèn LED	Nguồn		Đèn LED nhiệt độ
	Đỏ	Đỏ	Lục	Đỏ
Chế độ chờ	Không có	Sáng ổn định	Không có	Không có
Bật nguồn	Không có	Không có	Sáng ổn định	Không có
Bắt đầu nóng lên	Không có	Nhấp nháy (tắt 1 giây/ bật 1 giây)	Không có	Không có
Bắt đầu làm nguội	Không có	Không có	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/ bật 0,5 giây)	Không có
Chặn AV	Nhấp nháy (tắt 1 giây/ bật 1 giây)	Không có	Sáng ổn định	Không có
Lỗi (Hồng nguồn)	Sáng ổn định	Không có	Không có	Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hồng)	Không có	Không có	Không có	Nhấp nháy (3 giây bật/ 3 giây tắt)
Lỗi (Hồng vòng màu sắc)	Không có	Không có	Không có	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/ bật 0,5 giây)
Lỗi (Quá nhiệt)	Không có	Không có	Không có	Sáng ổn định
Lỗi (LD quá nhiệt)	Không có	Không có	Không có	Sáng ổn định
Lỗi (Hồng điện áp LD)	Sáng ổn định	Không có	Không có	Không có
Lỗi (Ngắt kết nối cảm biến nhiệt độ)	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/ bật 0,5 giây)	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/ bật 0,5 giây)	Không có	Không có
Lỗi (LD hồng)	Sáng ổn định	Không có	Sáng ổn định	Không có
Quá trình nâng cấp	Nhấp nháy (tắt 3 giây/ bật 3 giây)	Nhấp nháy (tắt 3 giây/ bật 3 giây)	Nhấp nháy (tắt 3 giây/ bật 3 giây)	Nhấp nháy (tắt 3 giây/ bật 3 giây)

Lưu ý: Đèn tắt trong 10 phút khi máy chiếu đang trong quá trình nâng cấp và Tất cả LED đều đang nhấp nháy (tắt 3 giây/bật 3 giây)

THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

Quang học	Mô tả		
Loại ống kính	1,8x	1,25x	Độ lệch tâm ngắn
Tỷ lệ lệch tâm chuẩn	1,44~2,59	1,22~1,52	0,75~0,95
Độ phân giải tối đa	WUXGA	WUXGA	WUXGA
Chỉnh thu phóng & tiêu cự	Thủ công	Nguồn	Nguồn
Cỡ hình (chéo)	40"~300"	50"~300"	50"~300"
Khoảng cách chiếu	1,2 m ~ 16,5 m	1,31 m ~ 9,82 m	0,81 m ~ 6,13 m

Nguồn điện	Mô tả
Đầu vào	<ul style="list-style-type: none">- HDMI 1 v2.0/4K- HDMI 2 v1.4a- ĐẦU VÀO VGA- ĐỒNG BỘ HÓA 3D- USB loại A x2 cho nguồn USB 5V/1,8A- USB loại B để bảo trì- Đầu ÂM THANH VÀO 3,5mm
Đầu ra	<ul style="list-style-type: none">- Đầu HDMI RA- ĐỒNG BỘ HÓA 3D Ra cho nguồn 5V- Đầu ÂM THANH RA 3,5mm- Bộ khởi động 12V RA
Điều Khiển	<ul style="list-style-type: none">- IR có dây- HDBaseT- Đầu cắm RJ-45 (hỗ trợ điều khiển web)- RS232
Tái tạo màu	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	<ul style="list-style-type: none">- Tốc độ dò ngang: 15,38 ~ 91,15 KHz- Tốc độ dò dọc: 24~ 85 Hz (120 Hz cho tính năng 3D)
Các loa tích hợp	2 loa 10W
Yêu cầu nguồn điện	100 - 240V ±10%, AC 50/60Hz
Dòng điện vào	6,3A (ống kính 1,8x/mẫu ST 7K) 5,5A (ống kính 1,25x/mẫu ST 7K)
Hướng lắp đặt	Mặt trước, Phía sau, Trần-phía trước và Phía sau-phía trên
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	<ul style="list-style-type: none">- 486 x 376 x 154 mm (không đế)- 486 x 376 x 178 mm (có đế)
Trọng lượng	13 ± 0,5 Kg
Điều kiện môi trường	Hoạt động với nhiệt độ từ 5 ~ 40°C và độ ẩm 10 - 85% (không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.




THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.


Hoa Kỳ

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Nhật Bản

東京都足立区綾瀬3-25-18
株式会社オーエス
コンタクトセンター:0120-380-495

 info@os-worldwide.com
www.os-worldwide.com




Canada

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Đài Loan

12F., No.213, Sec. 3, Beixin Rd.,
Xindian Dist., New Taipei City 231,
Taiwan, R.O.C.
www.optoma.com.tw

 +886-2-8911-8600
 +886-2-8911-6550
 services@optoma.com.tw
asia.optoma.com



Châu Mỹ Latin

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Hồng Kông

Unit A, 27/F Dragon Centre,
79 Wing Hong Street,
Cheung Sha Wan,
Kowloon, Hong Kong

 +852-2396-8968
 +852-2370-1222
www.optoma.com.hk



Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills,
Hemel Hempstead, Herts,
HP1 2UJ, United Kingdom
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com



Trung Quốc

5F, No. 1205, Kaixuan Rd.,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn




Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252
 +31 (0) 36 548 9052


Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr




Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32




Đức

Wiesenstrasse 21 W
D40549
Germany

 +49 (0) 211 506 6670
 +49 (0) 211 06 06
 info@optoma.de

Scandinavia



Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway

Hàn Quốc

WOOMI TECH.CO.,LTD.
4F, Minu Bldg.33-14, Kangnam-Ku,
Seoul,135-815, KOREA
korea.optoma.com

 +82+2+34430004
 +82+2+34430005

